

CHUYÊN ĐỀ

TÀI CHÍNH XANH

HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

10.2023

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1 Tài chính xanh và vai trò của tài chính xanh đối với quá trình phát triển bền vững	2
1.1 Quan niệm về Tài chính xanh	2
1.2 Vai trò của tài chính xanh đối với quá trình phát triển bền vững	2
2 Khuôn khổ về tài chính xanh trên thế giới	5
2.1 Kinh nghiệm phát triển tài chính xanh tại Đức.....	5
2.2 Kinh nghiệm phát triển tài chính xanh tại Singapore	7
2.3 Kinh nghiệm phát triển thị trường carbon tại EU.....	9
3 Thực trạng quản lý và phát triển tài chính xanh của Việt Nam và TPHCM	11
3.1 Định hướng của chính phủ và Khung pháp lý về Tài chính xanh	11
3.2 Thực trạng triển khai và phát triển Tài chính xanh tại Việt Nam.....	15
4 Giải pháp và kiến nghị đối với cơ quan nhà nước.....	28
4.1 Giải pháp về phát triển thị trường trái phiếu xanh.....	28
4.2 Giải pháp về phát triển thị trường chứng khoán xanh	29
4.3 Giải pháp về phát triển thị trường carbon.....	29
4.4 Giải pháp về phát triển tín dụng xanh.....	30
5 Một số lưu ý đối với doanh nghiệp.....	31
5.1 Xác định nhu cầu tiếp cận tài chính xanh	31
5.2 Phát triển các kỹ năng tài chính xanh	31
5.3 Các nguồn tài chính xanh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam	32
5.4 Hướng dẫn lập hồ sơ tiếp cận vốn vay cho dự án đầu tư sản xuất bền vững tại Việt Nam.....	34
5.5 Mối quan hệ của các tổ chức trong việc hình thành thị trường trái phiếu/cổ phiếu và tóm tắt hướng dẫn phát hành trái phiếu xanh cho doanh nghiệp.....	34
5.6 Nhóm đối tượng tham gia thị trường carbon tại Việt Nam và lưu ý cho doanh nghiệp về lộ trình thực hiện chế độ báo cáo	36
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	37

LỜI MỞ ĐẦU

Chuyển dịch kinh tế từ mô hình kinh tế nâu truyền thống sang nền kinh tế xanh thân thiện với môi trường, hay còn được biết đến là theo hướng kinh tế tuần hoàn, phát thải carbon thấp là xu thế tất yếu của thời đại, và được coi là cuộc cách mạng công nghiệp xanh của thế kỷ 21. Là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất bởi biến đổi khí hậu và cũng là một trong những nền kinh tế có cường độ phát thải carbon cao nhất ở châu Á, Việt Nam xác định phát triển kinh tế xanh là yêu cầu bắt buộc và đạt các mục tiêu tăng trưởng xanh là yêu cầu sống còn trong bối cảnh hiện nay. Theo đó, tại Hội nghị COP 26, Việt Nam đã cam kết giảm 30% lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030, giảm phát thải ròng về 0 vào năm 2050.

Thực hiện xanh hóa nền kinh tế là một thách thức không nhỏ bởi việc áp dụng các công nghệ xanh trong nhiều trường hợp có chi phí cao hơn nhiều so với những công nghệ thông thường. Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới (WB) trong Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển (CCDR) năm 2022 cho Việt Nam, ước tính giá trị đầu tư bổ sung cần thiết cho các biện pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu ở Việt Nam từ nay đến năm 2040 lên tới khoảng 368 tỷ USD. Do đó, để đảm bảo thực hiện các cam kết của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế, giải quyết vấn đề về tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu; bên cạnh việc phát huy nội lực, Việt Nam cần tăng cường sự hợp tác và hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế trong việc hình thành một hệ thống tài chính xanh, thị trường tài chính xanh phục vụ chọn nhu cầu chuyển đổi xanh của nền kinh tế.

1 Tài chính xanh và vai trò của tài chính xanh đối với quá trình phát triển bền vững

1.1 Quan niệm về Tài chính xanh

Nhằm thích ứng với những thách thức về an ninh năng lượng, tình trạng ô nhiễm môi trường, các quốc gia trên thế giới đang trong quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế truyền thống sang các mô hình kinh tế xanh, trong đó, nguồn lực tài chính hỗ trợ cho quá trình phát triển kinh tế xanh, bền vững thông qua hệ thống tài chính xanh.

Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), tài chính xanh là hoạt động nâng cao mức độ dòng chảy tài chính (từ ngân hàng, tín dụng vi mô, bảo hiểm và đầu tư) tại các khu vực nhà nước, tư nhân và phi lợi nhuận nhằm hướng đến mục tiêu ưu tiên phát triển bền vững. Bên cạnh đó, thông qua giải pháp về tài chính xanh giúp quản lý tốt hơn các rủi ro về môi trường và xã hội, tận dụng các cơ hội mang lại về tỷ lệ hoàn vốn và lợi ích môi trường, cũng như mang lại trách nhiệm giải trình cao hơn.

Trọng tâm của tài chính xanh là xanh hóa các khoản chi tiêu dành cho phát triển cơ sở hạ tầng, hoặc huy động thêm nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực chính, như: năng lượng sạch, giao thông bền vững, quản lý tài nguyên thiên nhiên, các dịch vụ sinh thái, đa dạng sinh học, du lịch bền vững, cũng như ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, các công cụ tài chính mới như: trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh, thị trường carbon... đang được tạo lập cùng với các tổ chức tài chính mới như: tín dụng xanh, ngân hàng xanh, quỹ đầu tư xanh...

Tài chính xanh sẽ thúc đẩy thông qua những thay đổi trong khuôn khổ pháp lý của các quốc gia, tăng cường tài chính xanh từ các lĩnh vực khác nhau, điều chỉnh quá trình ra quyết định tài chính của khu vực công với khía cạnh môi trường theo các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), tăng cường đầu tư vào công nghệ xanh và sạch, tài trợ cho nền kinh tế xanh bền vững dựa vào tài nguyên thiên nhiên và nền kinh tế xanh, tăng cường sử dụng trái phiếu xanh...

1.2 Vai trò của tài chính xanh đối với quá trình phát triển bền vững

Thị trường tài chính có vai trò cốt lõi trong nền kinh tế toàn cầu hóa đây là cơ hội để các ngân hàng và nhà đầu tư phân bổ vốn cho các lĩnh vực khác nhau. Vốn được phân bổ ngày hôm nay sẽ định hình các hệ sinh thái cũng như các mô hình sản xuất và tiêu dùng trong tương lai.

Khác với tài chính truyền thống, tài chính xanh nhấn mạnh đến việc bảo vệ hệ sinh thái, phân bổ nguồn lực hợp lý bằng cách hỗ trợ các dự án bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. UNEP đã và đang làm việc với các quốc gia, cơ quan quản lý tài chính và khu vực tài chính để điều chỉnh hệ thống tài chính phù hợp với Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững - định hướng các dòng tài chính nhằm hỗ trợ thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Do đó, tài chính xanh đóng vai trò là kênh dẫn vốn và điều tiết nguồn lực cho phát triển nền kinh tế xanh, hướng tới sự phát triển bền vững.

Các công cụ của tài chính xanh như **trái phiếu xanh** và trái phiếu tập trung vào các vấn đề khác như trái phiếu xã hội, trái phiếu bền vững hoặc trái phiếu SDG, có thể đóng vai trò là cầu nối vững chắc để thực hiện SDGs.

Bảng 1.1 Định nghĩa về một số loại trái phiếu được dán nhãn

Trái phiếu xanh	Trái phiếu được dán nhãn ‘xanh’ hoặc ‘môi trường’ khi nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được chuyển đến các dự án hoặc tài sản có lợi ích về môi trường
Trái phiếu xã hội	Khi nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng cho các dự án và tài sản có kết quả xã hội tích cực như y tế và giáo dục
Trái phiếu bền vững	Trái phiếu tài trợ cho nhiều dự án/tài sản xã hội và môi trường
Trái phiếu SDG	Trái phiếu SDG đầu tư vào các dự án và tài sản phù hợp và đóng góp vào việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs)

Nguồn: Sổ tay “Hướng dẫn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững” - UBCKNN

Trái phiếu xanh, xã hội và bền vững mang lại một số lợi ích cho cả tổ chức phát hành và nhà đầu tư như sau:

Bảng 1.2 Lợi ích của trái phiếu có dán nhãn

Đối với Nhà đầu tư	Đối với Tổ chức phát hành
• Lợi nhuận tài chính tương đương cộng thêm các lợi ích về môi trường và/hoặc xã hội • Đáp ứng các yêu cầu về ESG đối với các nhiệm vụ đầu tư bền vững • Đóng góp vào thích ứng với khí hậu, an ninh lương thực, sức khỏe cộng đồng, cung cấp năng lượng của quốc gia, v.v. • Thúc đẩy đầu tư trực tiếp vào việc ‘xanh hóa’ các ngành kinh tế nòng cốt và hoạt động tác động xã hội • Tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình việc sử dụng và quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu, trở thành một công cụ quản lý rủi ro bổ sung • Trái phiếu xanh có thể giúp giảm thiểu rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu trong danh mục đầu tư do các chính sách thay đổi như thuế carbon có thể dẫn đến tài sản bị mắc kẹt. Thay vào đó, trái phiếu xanh đầu tư vào các tài sản thân thiện với khí hậu, như các tòa nhà xanh	• Cung cấp thêm một nguồn tài chính bền vững • Tăng cường sự nhất quán về thời hạn của công cụ và vòng đời dự án • Cải thiện đa dạng hóa nhà đầu tư, nắm bắt cơ hội kinh doanh mới bằng cách kinh doanh mới theo nhu cầu phát triển bền vững ngày càng tăng và thu hút vốn dài hạn • Nâng cao danh tiếng của tổ chức phát hành • Thu hút nhu cầu mạnh mẽ của nhà đầu tư, điều này có thể dẫn đến việc đặt mua quá cao và lợi ích về giá

Nguồn: Sổ tay “Hướng dẫn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững” - UBCKNN

Thị trường chứng khoán xanh/cổ phiếu xanh là cổ phiếu của các doanh nghiệp tập trung vào các sản phẩm, dịch vụ hoặc công nghệ thân thiện với môi trường. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sử dụng năng lượng hiệu quả, nhiên liệu sạch, năng lượng tái tạo, nguồn lực tự nhiên, tài nguyên nước, giảm ô nhiễm môi trường và nguyên liệu hỗ trợ... hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Lợi ích mà doanh nghiệp có thể thu được từ việc đầu tư phát triển cổ phiếu xanh là:

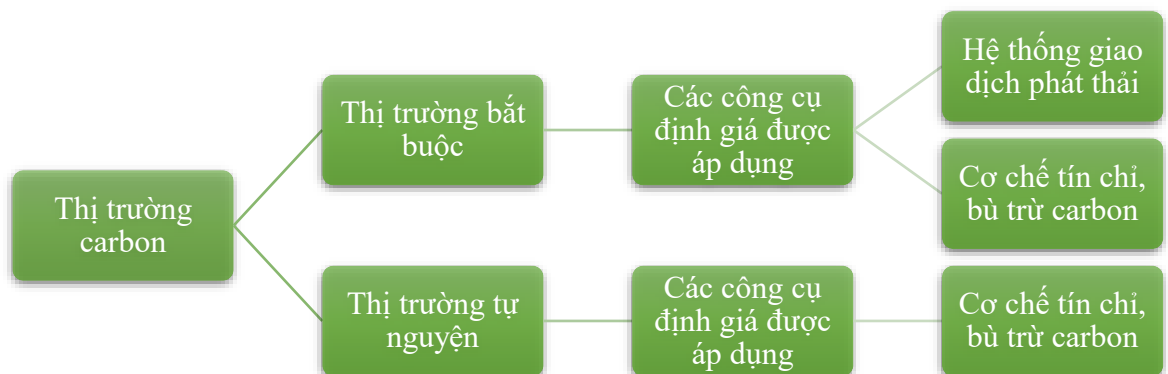
- (i) Tạo ra tác động tích cực tới môi trường, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững
- (ii) Mang lại lợi nhuận cạnh tranh khi nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ bền vững tăng lên; đồng thời giúp các doanh nghiệp có thể tiết kiệm chi phí và cải thiện hiệu quả hoạt động
- (iii) Nâng cao đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững
- (iv) Đa dạng hóa lợi ích doanh nghiệp vì cổ phiếu xanh có thể không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố của thị trường truyền thống
- (v) Nhận được sự khuyến khích và hỗ trợ từ chính phủ.

Một công cụ khác của tài chính xanh là **thị trường carbon** (thị trường tín chỉ carbon) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nguồn lực để thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ phát thải thấp, hướng đến nền kinh tế trung hòa carbon, phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững.

Thị trường carbon là thị trường trao đổi tín chỉ giảm phát thải khí nhà kính, được tạo ra bởi các chính sách khí hậu hoặc mục tiêu khí hậu của một hay nhiều quốc gia/tổ chức. Qua đó, cung cấp các lựa chọn để đáp ứng mục tiêu giảm phát thải theo các quy định bắt buộc hoặc tự nguyện.

Thị trường carbon vận hành có các bên mua, bán và các tổ chức trung gian. Bên bán có thể là mọi tổ chức nếu toàn bộ hoạt động (chuỗi cung ứng, kinh doanh trực tiếp, chuỗi phân phối) có tổng mức phát thải ròng CO₂ âm. Ngược lại, bên mua là các doanh nghiệp có lượng phát thải CO₂ dương, có thể là công ty sản xuất thép, xi măng, hóa dầu, sản xuất hóa chất, may mặc... Bên mua buộc phải mua tín chỉ carbon để hàng hóa đủ điều kiện xuất khẩu vào các thị trường có quy định về tiêu chuẩn sản xuất xanh. Ở giữa người mua và người bán, các đối tác trung gian là các đơn vị tư vấn, đơn vị kiểm toán, các nhà môi giới trung gian.

Hình 1.1 Các cơ chế định giá carbon được áp dụng trong hai loại thị trường carbon



Nguồn: Bài nghiên cứu “Thị trường carbon hình thành trên thế giới như thế nào?” của chuyên gia Trịnh Nam Phong

Công cụ **tín dụng xanh** cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn vốn cần thiết nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Theo Nguyên tắc tín dụng xanh, 2018 (Green Loan Principles - GLP, 2018) của Hiệp hội Thị trường Tín dụng (Loan Market Association - LMA) và Hiệp hội Thị trường Tín dụng Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific Loan Market Association - APLMA), tín dụng xanh là bất kỳ loại cho vay nào được cung cấp riêng để cấp vốn, hoặc tái cấp vốn toàn bộ hoặc một phần các dự án xanh đủ điều kiện mới và/hoặc hiện có.

Hình 1.2 Danh mục tín dụng xanh theo GLP, 2018



Nguồn: LMA và APLMA

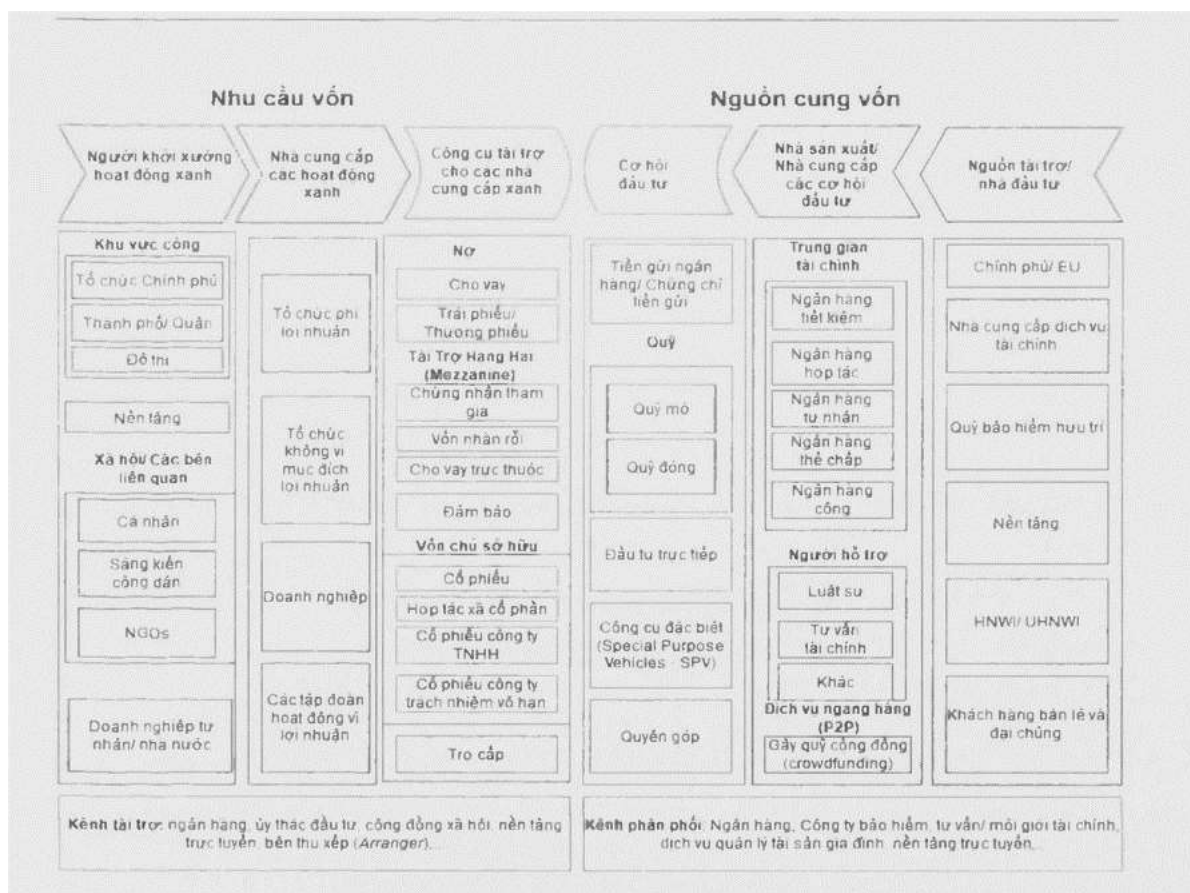
2 Khuôn khổ về tài chính xanh trên thế giới

Phát triển tài chính xanh tại các quốc gia khác nhau được thực hiện theo từng cách thức khác nhau. Các cách thức này phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, cũng như đặc điểm thị trường tài chính của từng quốc gia.

2.1 Kinh nghiệm phát triển tài chính xanh tại Đức

Tại Đức, đầu tư vào các vấn đề liên quan đến tài chính xanh là kết quả của một mạng lưới quan hệ rất phức tạp và phụ thuộc lẫn nhau giữa các đơn vị khác nhau về phía cung, cầu và các trung gian tài chính được kết nối. Nhiều giao dịch trong tài chính xanh được thực hiện bởi các ngân hàng và chỉ có một phần nhỏ là từ các sản phẩm giao dịch chứng khoán.

Hình 2.1 Hệ thống tài chính xanh ở Đức



Nguồn: Schäfer, Henry. (2017). *Green Finance and the German Banking System* và bản dịch của Trần Thị Thanh Tú, Nguyễn Thị Hồng Minh. (2021). *Kinh nghiệm phát triển tài chính xanh ở Đức và bài học cho Việt Nam*.

Sự thành công trong xây dựng hệ thống tài chính xanh của Đức cho thấy Chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo, tạo dựng, thúc đẩy các thành phần tham gia tích cực, chủ động trong hệ thống tài chính xanh, ngân hàng xanh, từ đó, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh. Chính phủ thực hiện các chính sách như: tạo quỹ đầu tư cho giao thông công cộng địa phương nhằm cải thiện, hỗ trợ các dự án về phương tiện giao thông công cộng, đường đi bộ và phát triển xe đạp; đưa ra những chính sách về thuế và phí nhằm khuyến khích, thúc đẩy hay hạn chế các doanh nghiệp/nhà đầu tư lựa chọn “đầu tư xanh” hay “đầu tư nâu”; khuyến khích người dân tham gia vào quá trình thúc đẩy kinh tế xanh ở tất cả các cấp, thúc đẩy và khuyến khích các sáng kiến xanh...

Tại Đức, nhóm các ngân hàng có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đổi mới sáng tạo, phát triển tài chính xanh, đó là các ngân hàng thay thế và ngân hàng xã hội (alternative and social banks). Đây là mô hình cho phép sự hợp tác của ngân hàng thông thường với việc hành động có trách nhiệm và tạo ra các hiệu ứng tích cực cho môi trường, xã hội và các bên liên quan. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia của các công ty, nhà đầu tư trong thực hiện xanh hóa nền kinh tế cũng đóng vai trò quan trọng. Nhiều sáng kiến, công nghệ môi trường và những kinh nghiệm thành công của Đức trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, tái chế, công nghệ sử dụng hiệu quả tài nguyên và trang trại hữu cơ... xuất phát từ khu vực tư nhân. Do đó, phát triển hệ thống tài chính xanh là yếu tố cần thiết nhằm hỗ trợ, thúc đẩy việc thực hiện xanh hóa nền kinh tế song song với thực hiện phát triển bền vững.

Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam:

- (i) Vai trò dẫn dắt của một Chính phủ kiến tạo sẽ quyết định sự thành công của phát triển tài chính xanh và kinh tế xanh
- (ii) Cách tiếp cận xây dựng mô hình ngân hàng xanh ở Việt Nam
- (iii) Các ngân hàng cần đóng vai trò chủ động trong việc xây dựng chiến lược ngân hàng xanh
- (iv) Các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên thị trường là nhân tố then chốt để phát triển hệ thống tài chính xanh

2.2 Kinh nghiệm phát triển tài chính xanh tại Singapore

Từ năm 2019, Ngân hàng trung ương Singapore (MAS) đã ra mắt Kế hoạch hành động tài chính xanh, định hướng cho việc phát triển hệ sinh thái tài chính xanh. MAS đã thành lập Ủy ban Công nghiệp tài chính xanh (GFIT) để xây dựng Singapore thành trung tâm tài chính xanh hàng đầu châu Á, sử dụng tài chính xanh như một cách tiếp cận chính để đạt các cam kết giảm phát thải, hướng tới phát triển bền vững. MAS đã ban hành Chương trình Đầu tư Xanh trị giá 2 tỷ USD cho các dự án đầu tư công, thúc đẩy các dự án xanh hóa, phát triển bền vững về môi trường và giảm thiểu rủi ro biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, MAS đã thành lập Khung trái phiếu xanh Singapore vào tháng 6/2022, một khuôn khổ nhằm quản trị việc phát hành trái phiếu xanh có chủ quyền.

MAS cho biết, trái phiếu xanh phải tuân thủ các thông lệ thị trường theo 3 cách: phù hợp với các hướng dẫn quốc tế và các thông lệ tốt nhất của thị trường về phát hành trái phiếu xanh; giám sát cấp bộ trong việc lựa chọn dự án và phân bổ tiền thu được; sàng lọc kỹ thuật cho các dự án xanh. Tháng 8/2022, lần đầu tiên MAS tung ra trái phiếu xanh có chủ quyền kỳ hạn 50 năm, có trị giá 2,4 tỷ SGD được phát hành theo Khung trái phiếu xanh Singapore, chào bán cho cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Đây là một phần trong kế hoạch phát hành trái phiếu xanh khu vực đầu tư công có giá trị lên tới 35 tỷ SGD, do Chính phủ Singapore dự kiến phát hành trước năm 2030.

Khung Trái phiếu Xanh Singapore (Khung) là một phần trong chiến lược phát triển bền vững tổng thể của Singapore và có vai trò quan trọng trong các sáng kiến của khu vực công để đạt được tham vọng Net-Zero. Khung được phát triển dựa trên các thành phần cốt lõi và khuyến nghị của “Nguyên tắc trái phiếu xanh” của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế (ICMA) năm 2021 và “Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN 2018”. Quy trình phát hành trái phiếu xanh của Singapore nhấn mạnh tính minh bạch, chính xác và toàn vẹn cần có của thông tin sẽ được công bố và báo cáo bởi tổ chức phát hành cho các bên liên quan. Tất cả trái phiếu xanh phát hành theo Khung sẽ tuân thủ tiêu chuẩn sau:

Bảng 2.1 Bốn thành tố của Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA

1. Sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu	Nguyên tắc Trái phiếu xanh không quy định cụ thể về ‘xanh’. Định nghĩa xanh được để cho tổ chức phát hành xác định. Các danh mục dự án xanh: • Năng lượng • Tòa nhà • Giao thông • Quản lý nước • Quản lý chất thải & kiểm soát ô nhiễm • Tài sản dựa vào thiên nhiên bao gồm sử dụng đất, nông nghiệp và lâm nghiệp
--	---

	• Công nghiệp & thương mại sử dụng nhiều năng lượng • Công nghệ thông tin & truyền thông (ICT)
2. Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án	Tổ chức phát hành trái phiếu xanh cần thông báo rõ ràng với nhà đầu tư: • Các mục tiêu bền vững về môi trường • Tổ chức phát hành quyết định quy trình về cách thức các dự án phù hợp với dự án xanh đủ điều kiện • Các tiêu chí liên quan đến tính hợp lệ
3. Quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu	Số tiền thu được ròng từ phát hành trái phiếu xanh (trái phiếu xã hội hoặc trái phiếu bền vững), hoặc số tiền bằng số tiền thu được ròng này, phải được ghi có vào một tài khoản phụ, chuyển sang một danh mục phụ hoặc được tổ chức phát hành theo dõi một cách thích hợp, và được chứng thực bởi tổ chức phát hành trong một quy trình nội bộ chính thức liên quan đến hoạt động cho vay và đầu tư cho các dự án của tổ chức phát hành.
4. Báo cáo	Tổ chức phát hành nên cung cấp và lưu giữ thông tin cập nhật sẵn sàng cung cấp về việc sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được gia hạn hàng năm cho đến khi phân bổ xong, và kịp thời trong trường hợp có diễn biến quan trọng. Tính minh bạch có giá trị đặc biệt trong việc truyền đạt tác động dự kiến của các dự án.

Nguồn: Sổ tay “Hướng dẫn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững” - UBCKNN

Bảng 2.2 Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN 2018

Tổ chức phát hành hợp lệ	Tổ chức phát hành hoặc việc phát hành trái phiếu xanh phải có mối liên hệ địa lý hoặc kinh tế với khu vực
Dự án không đủ điều kiện	Các dự án phát điện bằng nhiên liệu hóa thạch bị loại trừ
Khả năng tiếp nhận thông tin liên tục	Thông tin về quá trình lựa chọn dự án và sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu cũng như các báo cáo đánh giá bên ngoài phải được công bố công khai trên trang web được chỉ định
Khuyến khích báo cáo thường xuyên hơn	Các tiêu chuẩn ASEAN yêu cầu các tổ chức phát hành báo cáo cho nhà đầu tư tối thiểu định kỳ hàng năm, và khuyến khích cung cấp báo cáo thường xuyên về việc sử dụng tiền thu từ trái phiếu đến khi giải ngân hết, cũng như báo cáo kịp thời trong những trường hợp có sự thay đổi trọng yếu Khuyến nghị sử dụng đánh giá bên ngoài đối với khung trái phiếu xanh và đặc biệt khuyến nghị đối với báo cáo quản lý nguồn tiền từ trái phiếu và báo cáo thường niên
Đánh giá bên ngoài	Khuyến nghị đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ đánh giá bên ngoài cần công khai thông tin xác thực và kiến thức chuyên môn liên quan của họ và phạm vi đánh giá được thực hiện

Nguồn: Sổ tay “Hướng dẫn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững” – UBCKNN

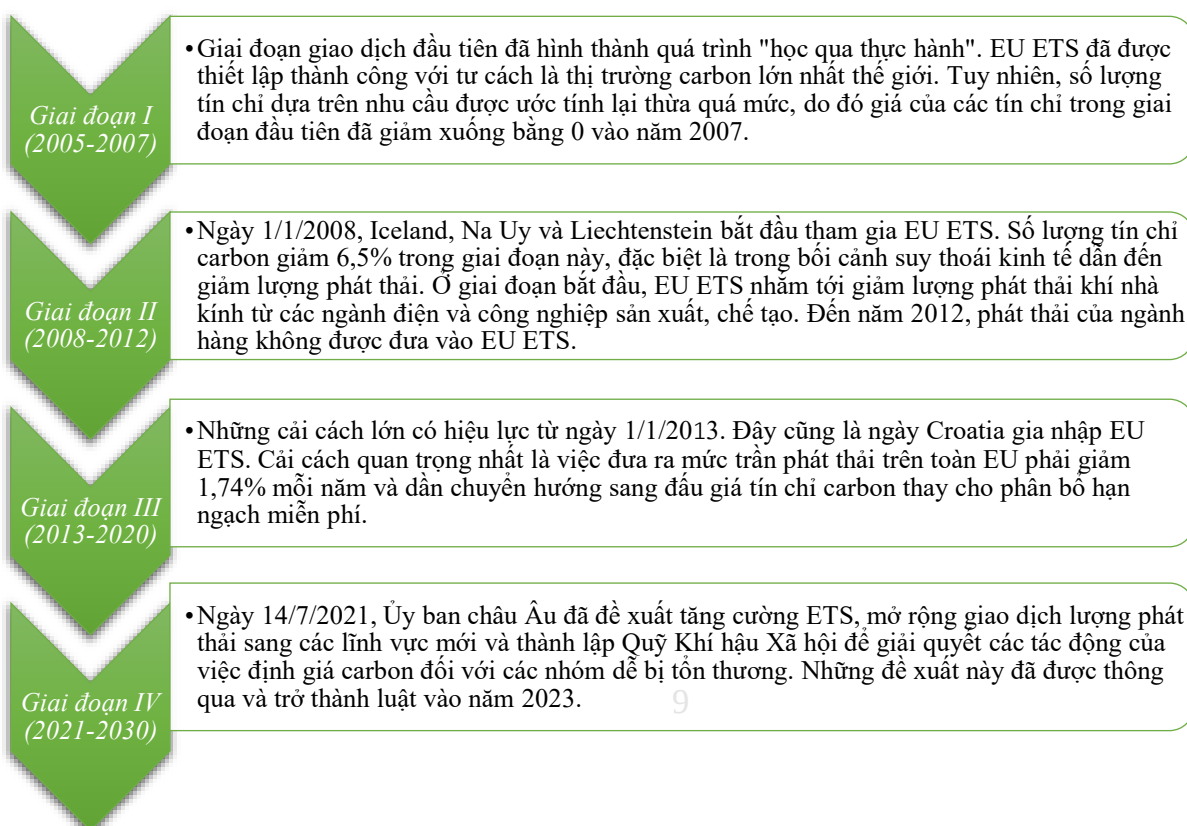
Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam:

- (i) Chính phủ cần định hướng rõ ràng về quan điểm tài chính xanh là điều tất yếu; cũng như xây dựng lộ trình phát triển các kênh tài chính xanh phù hợp, khả thi theo các giai đoạn chiến lược phát triển xanh. Đồng thời, chính phủ cần phải định hướng quan điểm, nhận thức về phát triển xanh, tăng trưởng xanh và tài chính xanh đối với công chúng, doanh nghiệp và các nhà đầu tư; đồng thời khuyến khích hành vi tiêu dùng xanh, sản xuất xanh, đầu tư xanh
- (ii) Khuyến khích các định chế tài chính trong việc xây dựng, phát triển, thực hiện triển khai từng bước các sản phẩm tài chính xanh nhằm hỗ trợ cho quá trình hình thành, phát triển thị trường tài chính xanh tại Việt Nam
- (iii) Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển tài chính xanh, các sản phẩm, chương trình hỗ trợ của chính phủ và tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại lớn là điều cần thiết để định hướng thị trường và khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế trong việc triển khai các sản phẩm đầu tư xanh, trái phiếu xanh ở các giai đoạn tiếp theo
- (iv) Chính sách ưu đãi thuế đối với trái phiếu xanh có thể được xem là một giải pháp hữu hiệu trong việc thúc đẩy hoạt động đầu tư vào thị trường trái phiếu xanh; từ đó đem lại nguồn tài chính xanh cho doanh nghiệp

2.3 Kinh nghiệm phát triển thị trường carbon tại EU

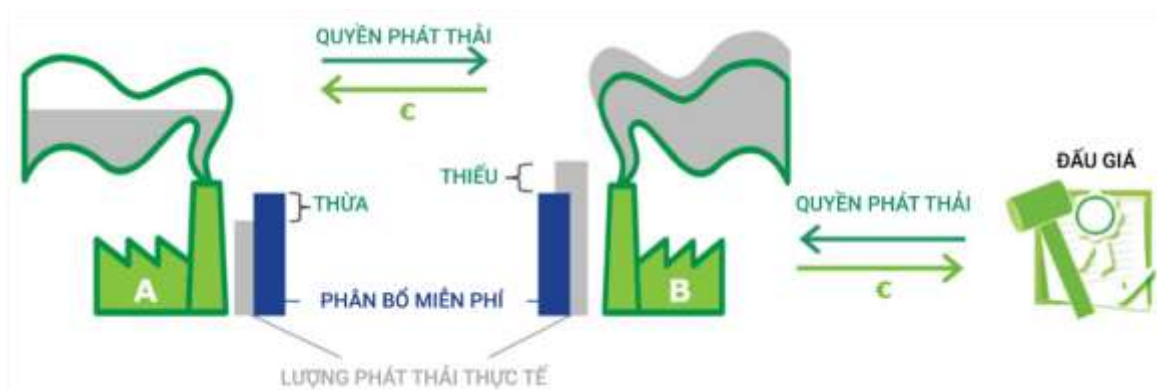
Năm 2003, Hệ thống giao dịch phát thải của châu Âu (EU ETS) được giới thiệu trong Chỉ thị 2003/87/EC (Directive 2003/87/EC) của Liên minh châu Âu. EU ETS được xem là một trong những công cụ quan trọng nhất của EU để ứng phó biến đổi khí hậu, thực thi cam kết trong Nghị định thư Kyoto trước đây và hiện nay là Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

Hình 2.2 Xây dựng thị trường EU ETS theo các giai đoạn



EU ETS hoạt động dựa trên nguyên tắc “cap-and-trade” (mức trần và giao dịch phát thải). Cơ chế hoạt động này tạo ra sự linh hoạt nhất định cho doanh nghiệp khi phải cân nhắc đến các chi phí cần bỏ ra nếu xả thải vượt quá hạn ngạch phát thải; từ đó tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển công nghệ sạch, đặc biệt trong trường hợp chi phí phát triển công nghệ nhỏ hơn chi phí mua thêm tín chỉ carbon.

Hình 2.3 Quy trình hoạt động của EU ETS



Nguồn: EU ETS Handbook

Tuy nhiên, theo quy định mới, từ năm 2034, các nhà máy, doanh nghiệp sẽ không còn được cấp hạn ngạch phát thải CO₂ miễn phí như hiện nay. EU sẽ dần loại bỏ hạn ngạch phát thải miễn phí đối với một số lĩnh vực nhất định song song với việc vận hành Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM).

Thành công của EU ETS đến từ nhiều yếu tố. Bên cạnh sự thiết lập, quản lý, giám sát thị trường của Ủy ban EU; các quy định về phân bổ hạn ngạch phát thải, đấu giá hạn ngạch phát thải và xử lý vi phạm đối với hành vi xả thải vượt hạn ngạch cho phép cũng đóng vai trò quan trọng.

Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam:

- (i) Phân bổ phát thải miễn phí là một trong những vấn đề quan trọng khi xây dựng thị trường carbon tại Việt Nam, tuy nhiên vấn đề phân bổ giữa các ngành và tỉ lệ phân bổ như thế nào là vấn đề cần được xem xét kỹ lưỡng. Tỉ lệ phân bổ cần được đánh giá trên cơ sở sự cân bằng giữa rủi ro rò rỉ carbon và động lực phát triển công nghệ của doanh nghiệp, kết hợp với phương thức định lượng, tránh tình trạng dư thừa hạn ngạch phát thải, ảnh hưởng tiêu cực đến giá tín chỉ carbon và động lực phát triển của doanh nghiệp.
- (ii) Trong vấn đề đấu giá hạn ngạch phát thải, việc xây dựng một khung pháp lý hỗ trợ đấu giá một cách minh bạch, công bằng và hiệu quả là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Trong vấn đề giám sát đấu giá, Việt Nam có thể học hỏi hai cấp độ giám sát trong EU ETS: giám sát từ phía nền tảng đấu giá và giám sát từ phía cơ quan có thẩm quyền.
- (iii) Song song với khung pháp lý, việc tổ chức và phát triển thị trường carbon, việc ghi nhận chế tài đối với hành vi xả thải vượt quá số hạn ngạch phát thải mà doanh nghiệp sở hữu cũng là nội dung quan trọng. Điều này không những đảm bảo tính minh bạch của thị trường carbon mà còn tạo niềm tin cho các ngành sản xuất khi tham gia vào thị trường.

3 Thực trạng quản lý và phát triển tài chính xanh của Việt Nam và TPHCM

3.1 Định hướng của Chính phủ và khung pháp lý về Tài chính xanh

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh:

Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011- 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 (**Quyết định số 1393/QĐ-TTg**); và giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 (**Quyết định số 1658/QĐ-TTg**) với mục tiêu đẩy mạnh tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa carbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

- Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh:

Nhằm cụ thể hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, năm 2014, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020 (**Quyết định số 403/QĐ-TTg**) với 4 chủ đề chính gồm:

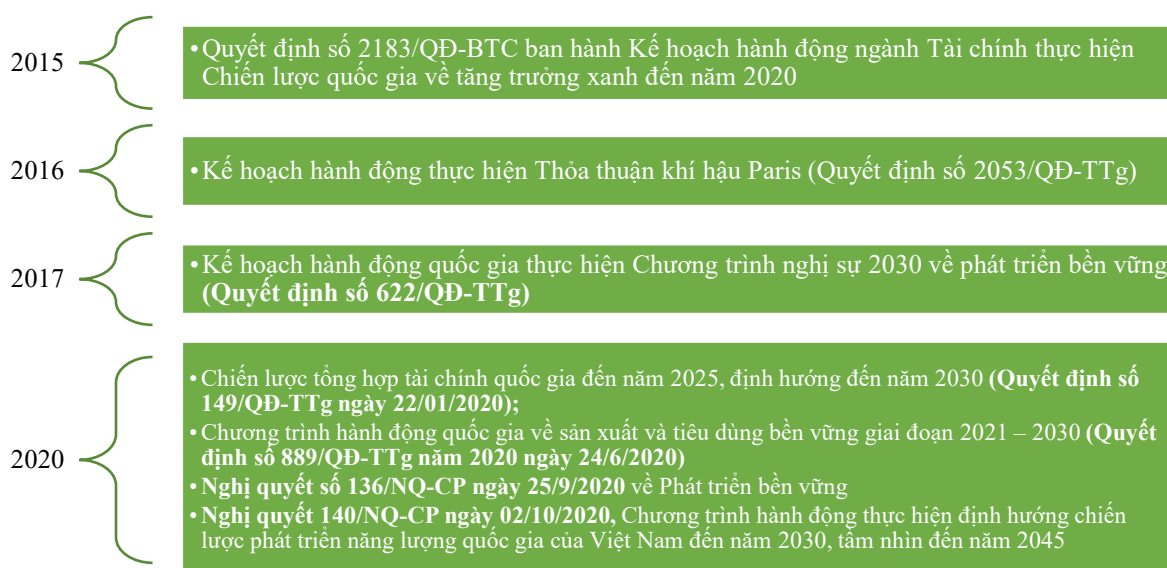
- (i) Xây dựng thể chế và kế hoạch tăng trưởng xanh tại địa phương;
- (ii) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo;
- (iii) Thực hiện xanh hóa sản xuất;
- (iv) Thực hiện xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững.

Năm 2022, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 (**Quyết định số 882/QĐ-TTg**) nêu rõ các nhiệm vụ trong việc huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh gồm:

- (i) Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách về đầu tư nhằm tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, chủ động huy động mọi nguồn lực hỗ trợ thực hiện tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh;
- (ii) Xây dựng chính sách, công cụ về huy động nguồn lực cho tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh;
- (iii) Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính xanh, tài chính khí hậu, tài chính bền vững.

- Văn bản và chính sách hỗ trợ khuyến khích tài chính xanh

Chính phủ ban hành nhiều văn bản đẩy mạnh nhiệm vụ của các Bộ, ngành trong việc rà soát và khuyến khích Tài chính xanh trên toàn diện.



- Khung pháp lý:

Quan trọng hơn, **Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14** được phê duyệt và có hiệu lực từ 01/01/2022; **Nghị định 08/2022/NĐ-CP** quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trong đó có điều chỉnh và hướng dẫn các hoạt động của các ngân hàng về sự phát triển bền vững và hoạt động cho vay vốn của ngân hàng phải có trách nhiệm với môi trường. Tại Điều 149 và 150, Luật xác định *7 loại dự án được cấp tín dụng xanh và 10 loại dự án được phép phát hành trái phiếu xanh; yêu cầu hướng dẫn về lộ trình thực hiện và cơ chế khuyến khích cấp tín dụng xanh*. Đây là những điểm mới trong Luật và được hướng dẫn chi tiết tại Điều 154, 155, 156, 157 của Nghị định.

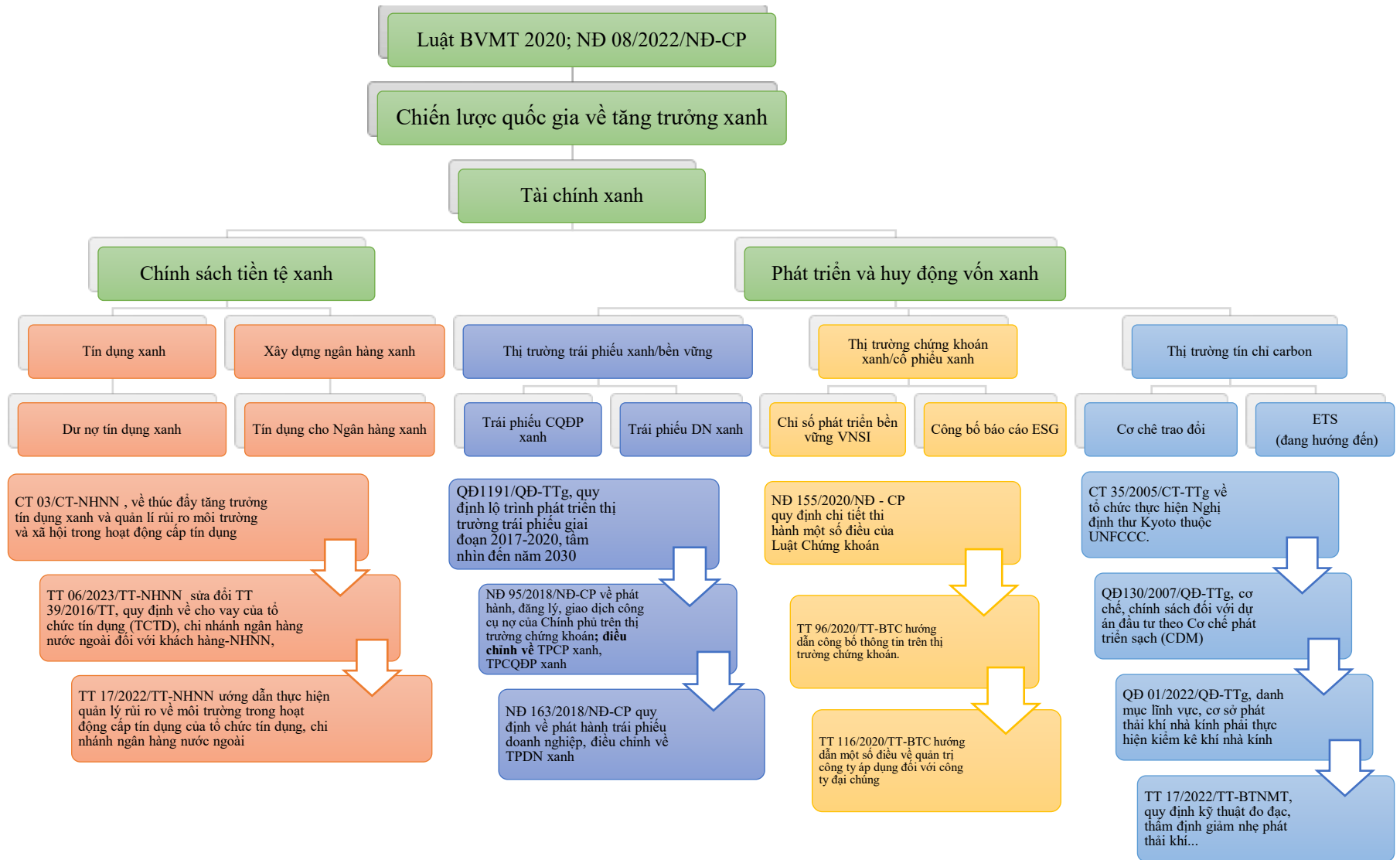
Ngoài ra, cuối năm 2022, Bộ Tài nguyên Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng Dự thảo **Quyết định Ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh (gọi là danh mục phân loại xanh)** đang trong quá trình thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Tiếp đến, ngày 23/12/2022, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành **Thông tư 17/2022/TT-NHNN** hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2023. Trong đó nêu rõ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam tập trung, bố trí nguồn vốn phù hợp để cho vay ưu đãi khuyến khích chủ đầu tư thực hiện dự án thuộc danh mục phân loại xanh. Tổ chức, cá nhân có hoạt động dự án được cấp tín dụng xanh theo quy định, chủ thể phát hành trái phiếu xanh, nhà đầu tư trái phiếu xanh được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định.

Như vậy, Tài chính xanh đã được chính phủ quan tâm từ sớm và nội hàm được lồng ghép trong chiến lược quốc gia. Trong những năm gần đây, khung khổ pháp lý và chính

sách khuyến khích Tài chính xanh đang từng bước được hoàn thiện. Những chính sách trên là khung tham chiếu chính sách quan trọng định hướng cho sự phát triển hiện tại và tương lai của lĩnh vực tài chính xanh.

Hình 3.1 Khung pháp lý về Tài chính xanh tại Việt Nam



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

3.2 Thực trạng triển khai và phát triển Tài chính xanh tại Việt Nam

3.2.1. Chính sách tiền tệ xanh:

3.2.1.1. Tín dụng xanh

Theo Điều 149 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định rõ tín dụng xanh là tín dụng được cấp cho các dự án đầu tư sau:

- (i) Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên;
- (ii) Ứng phó với biến đổi khí hậu;
- (iii) Quản lý chất thải;
- (iv) Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường;
- (v) Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên;
- (vi) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- (vii) Tạo ra lợi ích khác về môi trường.

Các quy định của NHNN liên quan đến Tín dụng xanh

2015

- Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng

2016

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về cho vay của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, trong đó có quy định nguyên tắc cho vay của TCTD đối với khách hàng phải phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

2022

- Thông tư 17/2022/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2023

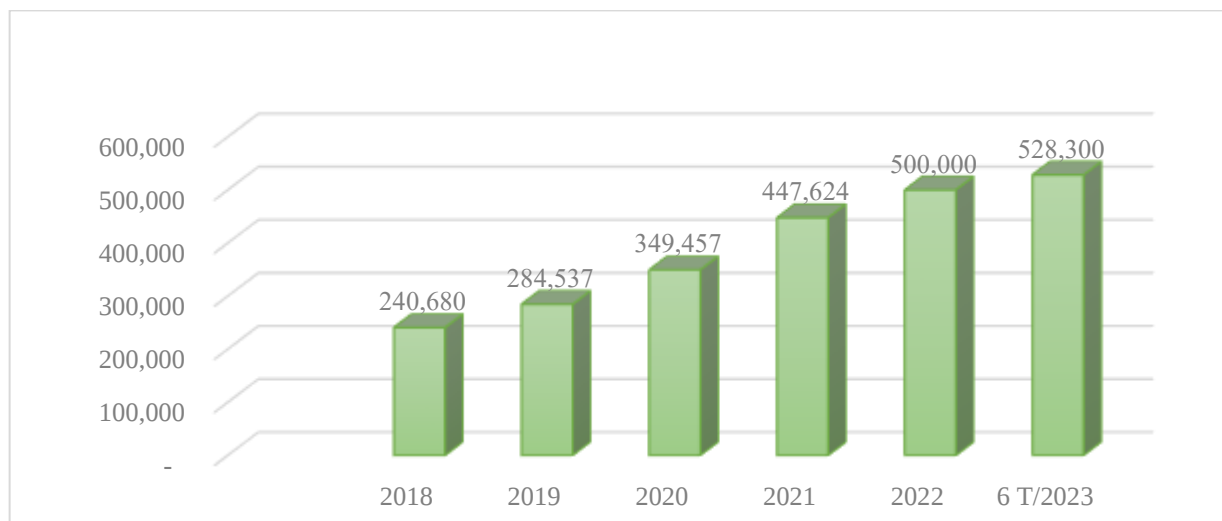
2023

- Thông tư 06/2023/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, trong đó bổ sung những nhu cầu vốn không được cho vay.
- Tuy nhiên, một số nội dung trong Thông tư 06/2023/TT-NHNN tại khoản 8,9,10 Điều 8 về “Những nhu cầu vốn không được vay” nội dung quy định gây khó khăn, cản trở cho doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng, người dân, không có quy định rõ ràng, cách hiểu khác nhau..., NHNN đã khẩn trương, tiếp thu, rà soát sửa đổi, bổ sung tiếp để nhanh chóng, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp, người dân...

Thực trạng Dự nợ tín dụng xanh trong thời gian qua

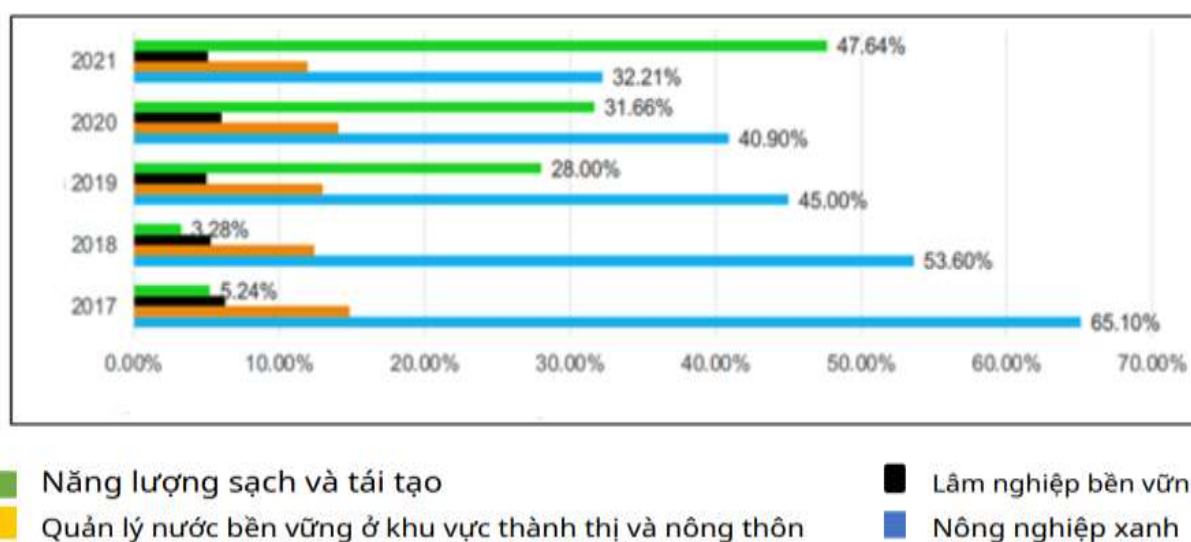
Theo báo cáo của NHNN, giai đoạn 2018-2022, dư nợ cấp tín dụng của hệ thống đối với các lĩnh vực xanh có mức tăng trưởng dư nợ bình quân đạt hơn 23%/năm.

Hình 3.2 Tổng dư nợ tín dụng xanh năm 2018-6T/2023 (ĐVT: tỷ đồng)



Đến cuối năm 2022, dư nợ cấp tín dụng đối với các dự án xanh (12 dự án xanh do NHNN xây dựng và ban hành từ năm 2015) đạt gần 500 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2021, chiếm khoảng 4,2% tổng dư nợ nền kinh tế. Đến 30/6/2023, dư nợ cấp tín dụng xanh đạt gần 528,3 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 4,2% tổng dư nợ toàn nền kinh tế. Trong số 12 lĩnh vực xanh NHNN hướng dẫn các TCTD cho vay, dư nợ tập trung chủ yếu vào các ngành năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (chiếm 45%) và nông nghiệp xanh (31%). Như vậy, mặc dù dư nợ tín dụng xanh tại Việt Nam có xu hướng tăng nhanh theo từng năm nhưng quy mô dư nợ vẫn tương đối nhỏ so với tổng tín dụng hệ thống.

Hình 3.3 Cơ cấu dư nợ tín dụng xanh của Việt Nam (2017-2021)



Nguồn: Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường, 2022

3.2.1.2. Xây dựng Ngân hàng xanh

Các quy định liên quan đến phát triển ngân hàng xanh

2018

- Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 về Chiến lược phát triển ngân hàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030
- Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 07/8/2018 của Thống đốc NHNN về việc phê duyệt Đề án phát triển Ngân hàng xanh tại Việt Nam
- Quyết định số 1731/QĐ-NHNN ngày 31/8/2018 về Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững

2018 - 2019

- Ban hành Sổ tay hướng dẫn đánh giá rủi ro môi trường - xã hội trong hoạt động cấp tín dụng cho những ngành có rủi ro cao, đồng thời đã tổ chức đào tạo nâng cao năng lực thẩm định rủi ro MT&XH trong hoạt động tín dụng cho cán bộ tín dụng của các NHTM. Đây được xem là cầm nang quan trọng đối với TCTD.

2023

- Quyết định 1408/QĐ-NHNN ngày 26/7/2023 phê duyệt Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu

Theo báo cáo đề án phát triển ngân hàng xanh, tín dụng xanh cho phát triển dịch vụ Ngân hàng xanh cũng tăng trưởng qua các năm. Từ năm 2018, chỉ chiếm 3,33% trong tổng tín dụng của nền kinh tế, đến năm 2022 đã tăng lên 4,20%. Hiện nay, có rất nhiều ngân hàng, TCTD đã ban hành quy định nội bộ về rủi ro môi trường và tác động xã hội. Theo thống kê, 80% - 90% các ngân hàng đã áp dụng một phần hoặc toàn bộ ESG trong hoạt động. Có tới gần 50% các ngân hàng và TCTD thành lập bộ phận quản trị rủi ro cho bảo vệ môi trường. Ngoài ra, các ngân hàng còn thực hiện các giải pháp như tổ chức các chương trình, đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho các tổ chức tín dụng và các cá nhân tham gia xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình, sản phẩm về ngân hàng xanh và tín dụng xanh.

Các ngân hàng thương mại (NHTM) đi đầu trong tín dụng xanh thời gian qua có thể kể đến như Ngân hàng Agribank, Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Vietcombank; Ngân hàng HDBank, Ngân hàng Nam A bank.... Lãi suất cho vay đã và đang được các TCTD áp dụng đối với các lĩnh vực xanh ngắn hạn từ 5-8%/năm, trung và dài hạn từ 9-12%/năm.¹

Trên cơ sở đẩy mạnh chiến lược tăng trưởng xanh, ngân hàng xanh, một số ngân hàng có thành tích nổi bật như:

Tại BIDV², dư nợ tín dụng xanh trong giai đoạn 2019-2022 tăng trưởng bình quân 45%/năm. Đến thời điểm 30/6/2023, BIDV đang cấp tín dụng lĩnh vực xanh cho hàng nghìn dự án với dư nợ trên 66 nghìn tỷ đồng, tăng gần 4% so với đầu năm và chiếm tỷ trọng khoảng 4% trên tổng dư nợ của BIDV. Danh mục cho vay các lĩnh vực xanh và phát triển bền vững đến năm 2025 của BIDV dự kiến đạt 3 tỷ USD, chiếm khoảng 5% tổng dư nợ của BIDV.

¹ Xem mục 5.3. Các nguồn tài chính xanh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam

² <https://www.vietnamplus.vn/du-no-tin-dung-cua-bidv-dat-695-tang-truong-deu-o-cac-linh-vuc/886383.vnp>

Tại Agribank³ có tới gần 70% dư nợ cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn nên việc phát triển tín dụng xanh rất quan trọng. Giai đoạn 2018-2020, dư nợ Tín dụng Xanh của Agribank tăng trưởng nhanh chóng từ 100-350%/năm. Trong 6 tháng đầu năm 2023, dư nợ của Agribank đã tăng trưởng bằng năm 2022. Đặc biệt, dư nợ lớn nhưng số lượng khách hàng đạt tiêu chuẩn Tín dụng Xanh của Agribank luôn chiếm cao nhất, khoảng 42.000 khách hàng.

Cơ hội và thách thức về phát triển chính sách tiền tệ xanh

Cơ hội	Thách thức
Hệ thống ngân hàng đóng vai trò rất quan trọng, là kênh dẫn vốn trong sự phát triển tài chính xanh. Thông qua việc NHNN đã phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam; Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh phù hợp với từng giai đoạn thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia; Thông tư hướng dẫn các tổ chức tín dụng (TCTD) quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng; lồng ghép mục tiêu tăng dần tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trong tổng dư nợ tín dụng của hệ thống các TCTD trong Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến 2030 đã tạo cơ sở định hướng kinh doanh cho các TCTD hướng đến sự phát triển bền vững. Cùng với sự nỗ lực của các TCTD, tín dụng xanh đang có những chuyển biến tích cực, ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm và hạn mức đầu tư ngày càng cao. Đây cũng là cơ hội đáng chú ý để các ngân hàng thương mại thúc đẩy phát triển tín dụng xanh sử dụng nguồn vốn thông qua tham gia thị trường vốn quốc tế, huy động vốn trong nước và vay trực tiếp từ các tổ chức quốc tế.	Về khía cạnh pháp lý, hiện thiếu khung pháp lý và chính sách toàn diện, mạch lạc liên quan việc thực hiện tín dụng xanh, bao gồm các tiêu chuẩn môi trường và chứng nhận cho các khoản vay/dự án xanh, các công cụ chính sách tiền tệ và tín dụng để khuyến khích các ngân hàng tham gia tài trợ cho dự án xanh, ngân hàng thương mại chính sách quản trị tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường... Tín dụng xanh đòi hỏi sự hiểu biết toàn diện về các vấn đề môi trường. Việc đánh giá, quản lý rủi ro môi trường và xã hội còn gặp nhiều khó khăn do các tổ chức tín dụng chưa có đủ cán bộ và/hoặc chuyên gia có trình độ chuyên môn về đánh giá rủi ro môi trường và xã hội. Các tổ chức tín dụng cần có sự hiểu biết toàn diện về đánh giá rủi ro xã hội và môi trường, trong đó có những kiến thức chuyên môn phức tạp. Việc thiếu hiểu biết và nhận thức đúng đắn về tác động của rủi ro môi trường, xã hội đến hoạt động kinh doanh khiến cho việc quản lý rủi ro của các ngân hàng gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, trong khi tín dụng xanh tạo ra lợi ích kinh tế và xã hội trong trung và dài hạn, các doanh nghiệp phải đối mặt với chi phí gia tăng liên quan đến việc đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng để bảo vệ môi trường cũng như các chi phí liên quan đến quản lý và xử lý chất thải.

³ <https://vtc.vn/agribank-no-luc-thuc-day-tin-dung-xanh-phat-trien-ben-vung-ar822615.html>

3.2.2. Chính sách phát triển và huy động nguồn vốn xanh

3.2.2.1. Thị trường Trái phiếu xanh

Trái phiếu xanh	Là trái phiếu do Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu để huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường.
Nguồn tiền thu được từ trái phiếu xanh được sử dụng cho các Dự án mang lại lợi ích cho môi trường như:	a) Cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường; b) Thay đổi công nghệ theo hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất; c) Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon; d) Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; đ) Cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường; e) Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo; g) Xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện môi trường; h) Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải; i) Thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư phát triển vốn tự nhiên; k) Dự án đầu tư khác theo quy định.
Trách nhiệm của Chủ thể phát hành trái phiếu xanh:	Phải cung cấp thông tin về đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của dự án đầu tư và sử dụng nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu xanh cho nhà đầu tư + Nội dung gồm: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có), giấy phép môi trường (nếu có); thông tin về kết quả đánh giá các lợi ích môi trường + Cung cấp thông tin cho Kho bạc Nhà nước (đối với trái phiếu xanh do Chính phủ phát hành), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trái phiếu xanh do chính quyền địa phương phát hành) để công bố trên trang thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Lợi ích của Chủ thể phát hành trái phiếu xanh	+ Được hưởng các ưu đãi giá dịch vụ theo quy định của pháp luật + Được ưu tiên bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện dự án
(Điều 150. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 157. Nghị định 08/2022/NĐ-CP)	

Các quy định khác liên quan tới trái phiếu xanh

2017

- Luật quản lý nợ công 2017
- Quyết định số 1191/QĐ-TTg, ngày 14/8/2017 quy định lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030, đã nêu rõ các cơ chế, chính sách phát triển thị trường trái phiếu xanh

2018

- Nghị định số 93/2018/NĐ-CP quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương
- Nghị định số 95/2018/NĐ-CP về phát hành, đăng lý, giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán
- Nghị định số 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, điều chỉnh về Trái phiếu doanh nghiệp xanh (*Hết hiệu lực từ 01/01/2021*)

2020

- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP)

2021

- UBCKNN đã phát hành Sổ tay “Hướng dẫn phát hành cho trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững” với sự hỗ trợ của IFC, Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu và Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ. Cuốn sổ tay hướng dẫn các tổ chức phát hành và các thành viên thị trường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực ASEAN, cũng như các quy định của Việt Nam về trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững.

2022

- Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

Thực trạng phát triển trái phiếu xanh

Tháng 10/2016, Bộ Tài chính phê duyệt Đề án phát hành thí điểm trái phiếu xanh của chính quyền địa phương và chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thí điểm và có 2 địa phương thực hiện là TP. Hồ Chí Minh (TPHCM) và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (BRVT). Nổi bật nhất TPHCM có lượng phát hành trái phiếu nhiều hơn so với BRVT.

Tại TP.Hồ Chí Minh, năm 2016, phát hành trái phiếu qua bảo lãnh của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC), kỳ hạn 15 năm, khối lượng 3.000 tỷ đồng. Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC) được UBND TP. Hồ Chí Minh ủy quyền thực hiện toàn bộ nghiệp vụ tổ chức phát hành. Trong đó, có 11 dự án thuộc danh mục dự án xanh, với tổng mức đầu tư 2.619,8 tỷ, dự kiến bổ trí từ nguồn vốn trái phiếu phát hành trong năm 2016 là 523,5 tỷ đồng. Năm 2017, TP. Hồ Chí Minh phát hành trái phiếu có khối lượng 2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10, 15, 20 và 30 năm. Trong đó, có 8 dự án xanh với tổng mức đầu tư 2.989 tỷ, bổ trí từ nguồn vốn trái phiếu phát hành của năm 2017 là 364 tỷ đồng. Đến năm 2018, theo thống kê sơ bộ, TP. Hồ Chí Minh đã phát

hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu xanh cho 34 dự án. Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh đã được TP. Hồ Chí Minh giải ngân cho các dự án xanh nhằm mục đích cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, giải quyết tình trạng ngập nước tại các lưu vực của Thành phố. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, chưa có cơ chế về ưu đãi thuế, phí đối với trái phiếu xanh và chưa có danh mục dự án xanh, môi trường ưu tiên (Nguyễn Thị Thu Thủy, 2022).

Đối với TPDN xanh: trong chương trình hợp tác từ năm 2018, GIZ đã phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, hai Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh cùng với IFC xây dựng đề án phát triển trái phiếu xanh doanh nghiệp và trái phiếu xanh định chế tài chính và thí điểm phát hành trái phiếu doanh nghiệp xanh tại các công ty thuộc VNSI (Top 20 doanh nghiệp về phát triển bền vững) và các ngân hàng thương mại lớn của Việt Nam. **Cụ thể như:**

Cuối tháng 8/2019, CTCP Điện mặt trời Trung Nam đã phát hành thành công 2.100 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ có kỳ hạn 9 năm và CTCP Trung Nam (sở hữu 70% vốn của CTCP Điện mặt trời Trung Nam) cũng phát hành thành công 945 tỷ đồng với kỳ hạn 5 năm, lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 2 năm cộng biên độ 3,5%/năm, riêng năm đầu tiên là 10,5%/năm. Tổng số tiền hai công ty này huy động được là 3.045 tỷ đồng và được sử dụng cho dự án điện mặt trời tại Ninh Thuận.

Đầu tháng 10/2019, CTCP Bamboo Capital (BCG) công bố kế hoạch dự kiến phát hành 900.000 trái phiếu chuyển đổi trong quý IV/2019, lãi suất 5%/năm, kỳ hạn 3 năm, trong đó dự kiến 350 tỷ đồng đầu tư các dự án năng lượng mặt trời, 500 tỷ đồng đầu tư vào các dự án bất động sản, 50 tỷ đồng bổ sung vốn lưu động (Nguyễn Thị Thu Thủy, 2022).

Sau khi Việt Nam đã tích cực tham gia Tiêu chuẩn Trái phiếu Xanh ASEAN (AGBS), Tiêu chuẩn Trái phiếu Xã hội ASEAN (ASBS) và Tiêu chuẩn Trái phiếu Bền vững ASEAN (ASUS), dựa trên các hướng dẫn đã được thiết lập như Nguyên tắc Trái phiếu Xanh, Trái phiếu Xã hội và Nguyên tắc trái phiếu bền vững của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế (ICMA), việc huy động vốn cho trái phiếu xanh, xã hội, bền vững đã nhận được sự quan tâm đáng kể của cả cơ quan chức năng và doanh nghiệp.

Từ năm 2021, một số doanh nghiệp đã phát hành trái phiếu xanh trên thị trường quốc tế. BIM Land thuộc BIM Group đã huy động thành công 200 triệu USD trên thị trường quốc tế, có thời hạn 5 năm với lãi suất coupon 7,375% thông qua Sở giao dịch Singapore.⁴ VinGroup đã tiên phong phát hành trái phiếu bền vững có quyền chọn nhận cổ phiếu trị giá 425 triệu USD, có thể hoán đổi thành cổ phiếu của công ty mẹ Group. Trái phiếu đáo hạn vào năm 2026 và có lãi suất 3,25% mỗi năm⁵.

Trong tháng 7/2022, EVNFinance đã phát hành đợt trái phiếu xanh đầu tiên (EVNFinance Green Bond) có giá trị 1.725 tỷ đồng (tương đương 75 triệu USD). Đợt phát hành trái phiếu xanh này của EVNFinance được bảo lãnh một phần bởi GuarantCo – Tổ chức tín dụng quốc tế. Đây là giao dịch phát hành trái phiếu xanh đầu tiên và đồng thời là

⁴ <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/bim-land-huy-dong-2333-ty-dong-thong-qua-phat-hanh-trai-phieu-post329427.html>

⁵ <https://vietnamfinance.vn/vinpearl-huy-dong-xong-425-trieu-usd-trai-phieu-quoc-te-co-quyen-chon-nhan-co-phieu-cua-vingroup-20180504224259246.htm>

đơn vị phát hành trái phiếu bằng đồng nội tệ được bảo lãnh một phần đầu tiên tại Việt Nam dựa trên Nguyên tắc do Hiệp hội Thị trường vốn quốc tế (ICMA).⁶

Ngoài ra, vào tháng 3/2022, FiinGroup đã chính thức được CBI chứng nhận là đơn vị đầu tiên của Việt Nam được ủy quyền xác nhận các trái phiếu xanh được phát hành bởi các tổ chức và doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia vào chương trình của tổ chức này. Như vậy, Việt Nam đã chính thức có tổ chức gắn nhãn “xanh” cho trái phiếu xanh, đây chính động lực thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức phát hành và các nhà đầu tư vào thị trường trái phiếu xanh.

Cơ hội và thách thức về phát triển thị trường trái phiếu xanh

Cơ hội	Thách thức
Thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam đang sẵn sàng đón nhận những cơ hội tăng trưởng đáng kể nhờ sự quan tâm ngày càng tăng của cả nhà đầu tư trong và ngoài nước. Để đáp ứng nhu cầu vốn cho tăng trưởng xanh, việc phát triển thị trường trái phiếu xanh doanh nghiệp là một nhu cầu thực sự. Theo báo cáo của MCKiney & Company (2022) ước tính đến năm 2025 các tổ chức tài chính của Việt Nam có thể đạt doanh thu khoảng 1,7 tỷ USD từ phát hành trái phiếu để tài trợ cho các dự án ESG—trong đó có 1,5 tỷ USD từ tài trợ chuyển đổi và trái phiếu xanh, tài trợ cho việc chuyển dịch từ các ngành công nghiệp phát thải carbon cao sang công nghiệp xanh. Các doanh nghiệp được phép tiếp cận các nguồn vốn quốc tế cho tăng trưởng xanh, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế do chính sách phát triển thị trường trái phiếu xanh tương đối thông thoáng. Theo khảo sát của GCCI (2022) khi được hỏi về kế hoạch tham gia thị trường trái phiếu xanh, gần 70% số người được hỏi cho biết tổ chức của họ có thể triển khai dịch vụ tư vấn cho các tổ chức phát hành trái phiếu xanh trong tương lai gần, cụ thể là từ năm 2022 đến năm 2024. Vì vậy, sự phát triển của thị trường trái phiếu xanh trong thời gian tới được kỳ vọng sẽ thuận lợi.	Khung pháp lý đã được cải thiện với việc đưa trái phiếu xanh vào Luật BVMT và các ND hướng dẫn liên quan, nhưng rõ ràng là trong thời gian tới, các chính sách sâu rộng sẽ được xây dựng để giải quyết mối quan tâm đặc biệt này của thị trường. Theo khảo sát của GCCI (2022), 68% số người được hỏi cho rằng trở ngại chính là thiếu hướng dẫn chính sách liên quan đến trái phiếu xanh. Thông tin, dữ liệu về thị trường trái phiếu xanh chưa có thống kê chính thức. Các dữ liệu còn rời rạc, khó tiếp cận nên chưa tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư. Các báo cáo ESG không hoàn toàn minh bạch, công khai. Theo khảo sát của GCCI (2022) hơn 50% số người được hỏi cho biết việc không có lợi ích rõ ràng từ việc đầu tư vào trái phiếu xanh là một trong những hạn chế chính, trong khi 45% cho rằng việc thiếu hướng dẫn nội bộ về trái phiếu xanh trong các tổ chức cũng đang cản trở nỗ lực tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư xanh hơn. Nguy cơ tiềm ẩn về “rửa xanh” khi nhãn xanh được sử dụng nhưng không thực sự vì mục đích môi trường. Điều này đòi hỏi phải thiết lập các yêu cầu pháp lý rõ ràng về việc phát hành trái phiếu xanh làm khung pháp lý cho việc ghi nhãn trái phiếu GSS

⁶ <https://www.evnfc.vn/tin-chi-tiet/giao-dich-trai-phiieu-xanh-dau-tien-cua-viet-nam-gianh-giai-thuong-quoc-te>

3.2.2.2 Thị trường chứng khoán xanh/cổ phiếu xanh:

Các quy định có liên quan đến chứng khoán xanh

2015

- Thông tư 155/2015/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã quy định các doanh nghiệp phải công bố thông tin môi trường và xã hội (quy định tại khoản 6- Phụ lục 04 Báo cáo thường niên của Công ty). Tuy nhiên, số lượng các doanh nghiệp thật sự quan tâm đến vấn đề này còn tương đối hạn chế và mức độ đầy đủ thông tin cũng chưa đủ để tiệm cận đến quy chuẩn quốc tế.

2017

- Xây dựng và công bố Chỉ số phát triển bền vững (VNSI) hay còn gọi là chỉ số xanh. Đây được xem là bước tiến mới của thị trường chứng khoán Việt Nam trong thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững (PTBV), xu thế tất yếu trong phát triển.

2020

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán với yêu cầu mới về báo cáo thực hiện ESG (thay thế TT 155/2015/TT-BTC)
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán

Thực trạng phát triển thị trường chứng khoán xanh

Chỉ số VNSI dựa trên nền tảng là điểm số phát triển bền vững của các doanh nghiệp thuộc VN100. HOSE thực hiện chấm điểm PTBV vào thời gian từ tháng 5 đến tháng 6 hàng năm, sau khi các doanh nghiệp đã hoàn tất chuẩn bị Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững năm.

Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững được nghiên cứu và xây dựng dựa trên Bộ tiêu chuẩn Báo cáo quốc tế về lập báo cáo phát triển bền vững toàn cầu (theo GRI), Bộ nguyên tắc quản trị công ty của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và các quy định của pháp luật chứng khoán tại Việt Nam.

Hiện nay, chỉ số VNSI bao gồm 20 doanh nghiệp có điểm phát triển bền vững tốt nhất được niêm yết trên HOSE thuộc Top VN100 và được tính theo thời gian thực 5 giây/lần (tương tự như VNIndex).

Về cam kết thực hiện công bố báo cáo ESG, theo Báo cáo Mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam năm 2022, tỷ lệ cam kết ESG của các doanh nghiệp niêm yết là 93%, vượt mức trung bình của Việt Nam là 80%. Tuy nhiên, chỉ có 35% các doanh nghiệp niêm yết đã thiết lập kế hoạch ESG, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình là 44%. Hơn một nửa doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam (58%) đang và sẽ trong giai đoạn lập kế hoạch trong 2 - 4 năm tới.

Mức độ cam kết ESG tại Việt Nam	20%	36%	44%
	Không đặt ra cam kết ESG / Chưa xác định kế hoạch cụ thể trong 2-4 năm tới	Đang ở giai đoạn lập kế hoạch cho 2-4 năm tới	Đã lập kế hoạch và đưa ra cam kết ESG
Chi tiết theo loại hình công ty			
Doanh nghiệp FDI	16%	27%	57%
Doanh nghiệp niêm yết	7%	58%	35%
Doanh nghiệp tư nhân/gia đình	31%	29%	40%

Nguồn: PwC (2022). Báo cáo Mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam năm 2022

Phần lớn các doanh nghiệp niêm yết được nghiên cứu ở Việt Nam đều công bố mục tiêu ESG ngắn hạn và trung hạn (lần lượt là 84% và 70%). Tuy vậy, 48% doanh nghiệp tiết lộ các mục tiêu dài hạn, tức là trên 5 năm và chỉ có 8% tiết lộ mục tiêu NetZero. Trong khi đó, số liệu về các doanh nghiệp niêm yết công bố mục tiêu ESG ngắn hạn, trung hạn và dài hạn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương là tương tự nhau - trung bình khoảng 76%.

Cơ hội và thách thức về phát triển thị trường chứng khoán xanh

Cơ hội	Thách thức
Theo Bloomberg Intelligence dự đoán giá trị tài sản ESG toàn cầu có thể đạt 50 nghìn tỷ USD vào năm 2025. Được lựa chọn vào VNSI là một lợi thế cho doanh nghiệp niêm yết định vị rõ ràng hơn trên thị trường chứng khoán. Có thể khẳng định, minh bạch thông tin PTBV sẽ giúp nhà đầu tư đánh giá sát hơn năng lực doanh nghiệp và dễ dàng đưa đến quyết định đầu tư.	Mặc dù các cơ quan quản lý đã thúc đẩy nhiều chính sách mới về ESG, nhưng các tổ chức chức tài chính gặp nhiều thách thức trong việc tích hợp đánh giá ESG và khung quản lý rủi ro. Theo báo cáo khảo sát của PwC (2022) chỉ ra rằng 73% DN gặp khó khăn trong việc tích hợp tiêu chí ESG vào trong khung rủi ro hiện hữu của doanh nghiệp; 61% DN có chất lượng công bố thông tin và nhận thức về yếu tố ESG của đối tác công thấp; 53% DN chưa có các quy định và chức năng rõ ràng.

3.2.2.3 Thị trường Tín chỉ carbon

Tín chỉ carbon	Là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải một tấn khí carbon dioxide (CO ₂) hoặc một tấn khí carbon dioxide (CO ₂) tương đương (Điều 3. Luật BNTNMT năm 2020)
Thị trường carbon	Lần đầu tiên được ghi nhận tại Điều 91. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, Điều 139. Tổ chức và phát triển thị trường các-bon và được hướng dẫn tại Mục 2. Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022, quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Một số yếu tố cơ bản của thị trường đã được cụ thể hóa như:	
Phạm vi thị trường	Các phân ngành và cơ sở thuộc danh mục do Thủ tướng ban hành phải thực hiện kiểm kê phát thải và được giao hạn ngạch - Cơ sở phát thải > 3.000 tấn CO₂/năm - Cơ sở tiêu thụ > 1.000 TOE/năm
Cơ chế linh hoạt	Cho vay hạn ngạch; Ký gửi hạn ngạch dư thừa; Sử dụng tín chỉ carbon (tối đa 10% tổng hạn ngạch được phân bổ)
Trách nhiệm phát triển thị trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính. - Bộ Tài chính đã được giao trách nhiệm chính trong việc phát triển và thành lập Sàn giao dịch tín dụng cũng như đưa ra cơ chế quản lý tài chính cho thị trường carbon - Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ carbon, giám sát thị trường carbon; quy định các hoạt động kết nối sàn giao dịch tín chỉ carbon trong nước với thị trường carbon khu vực và thế giới; quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon; xây dựng tài liệu tuyên truyền, thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường carbon.
Lộ trình phát triển thị trường carbon cho Việt Nam	
Giai đoạn 1: 2022-2027	- Xây dựng quy định về quản lý tín chỉ carbon, thị trường ETS, quy định về hoạt động trao đổi. - Thí điểm trao đổi tín chỉ và thị trường ETS - Thành lập & tổ chức thực hiện thí điểm trao đổi tín chỉ carbon năm 2027 - Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường carbon
Giai đoạn 2: Từ năm 2028	- Tổ chức vận hành chính thức trao đổi tín chỉ carbon - Điều tiết các hoạt động kết nối và trao đổi tín chỉ carbon trong nước với thị trường carbon khu vực và thế giới
<i>Nghị định 06/2022/NĐ-CP, quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.</i>	

Các quy định có liên quan đến thị trường tín chỉ carbon

2005

- Chỉ thị số 35/2005/CT-TTg ngày 17/10/2005 về tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc UNFCCC

2007

- Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 về một số cơ chế, chính sách đối với dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch (CDM)

2012

- Quyết định 1775/QĐ-TTg năm 2012 phê duyệt Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới.

2022

- Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022, ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính Đây là danh mục được công bố lần đầu đối với các lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.
- Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT ngày 15/11/2022, quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải.

Thực trạng phát triển thị trường tín chỉ carbon

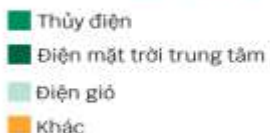
Trong thời gian qua có nhiều tổ chức, doanh nghiệp trong nước đã tham gia thực hiện các dự án theo Cơ chế phát triển sạch (CDM), Cơ chế tín chỉ chung (JCM), cơ chế trao đổi tín chỉ carbon theo chương trình hợp tác và một số cơ chế trao đổi tín chỉ carbon tự nguyện khác. Thông qua việc thực hiện dự án các cơ chế này, các doanh nghiệp đã có thêm nguồn tài chính từ việc trao đổi, bán tín chỉ carbon, được tiếp nhận công nghệ phát thải thấp từ các nước phát triển.

Cơ chế phát triển sạch (CDM): theo số liệu trong bài viết của báo cáo Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) số tháng 3-2023, tính đến tháng 11-2022, có tổng cộng 276 dự án CDM và gần 29,4 triệu tín chỉ carbon đã được ban hành từ các dự án tín chỉ carbon được phát triển theo cơ chế CDM tại Việt Nam. Ngoài CDM, Việt Nam cũng phát triển các dự án tín chỉ carbon theo các tiêu chuẩn quốc tế độc lập. Thống kê cho thấy có 32 dự án đăng ký theo Tiêu chuẩn Vàng (GS) và 27 dự án đăng ký theo tiêu chuẩn carbon được thẩm định (VCS) với số lượng tín chỉ được ban hành lần lượt là 5,7 triệu và 1,3 triệu tín chỉ.

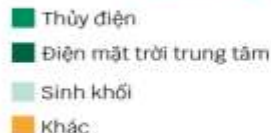
Hình 6: Lượng tín chỉ CDM được ban hành tại Việt Nam tính đến tháng 11/2022



Hình 7: Lượng tín chỉ GS được ban hành tại Việt Nam tính đến tháng 11/2022



Hình 8: Lượng tín chỉ VCS được ban hành tại Việt Nam tính đến tháng 11/2022



Nguồn: Bản tin chính sách 33-2023, Trung tâm Con người và Thiên Nhiên.

Cơ chế tín dụng chung (JCM): đóng vai trò là nền tảng cho sự hợp tác giữa các Chính phủ Nhật Bản và các quốc gia đang phát triển, nhằm thúc đẩy chuyển giao và phổ biến các công nghệ carbon thấp nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh và hỗ trợ các cam kết quốc tế nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Tính đến năm 2020, đã có 14 dự án được đăng ký với tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính đạt 15.996 tCO₂ tương đương/năm. Trong đó, có 11 dự án nhận được tài trợ từ Bộ Môi trường Nhật Bản và 03 dự án nhận được tài trợ từ Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản. Tổng kinh phí được nhận là gần 35 triệu USD, chiếm 38% tổng kinh phí thực hiện các dự án. Đến nay, đã có 6 dự án đi vào hoạt động và được giám sát, thẩm tra số liệu hoạt động, cấp tín chỉ carbon. Ủy ban hỗn hợp hai nước đã xem xét và cấp tổng cộng đã có 4.415 tín chỉ carbon, tương đương với 4.415 tấn CO₂ tế cắt giảm được so với lượng phát thải khí nhà kính khi chưa có dự án. Lượng tín chỉ các-bon được phân bổ cho Chính phủ Nhật Bản, Chính phủ Việt Nam và các đơn vị tham gia dự án (Nguyễn Thành Công, Trần Tiến Dũng, 2020).

Ngoài ra, trong lộ trình tiến đến một thị trường carbon trong nước, Ngân hàng Thế giới (WB) luôn đồng hành hỗ trợ Việt Nam tiến hành các nghiên cứu cần thiết giúp đặt nền móng cho sáng kiến phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam. Từ năm 2016 thông qua Dự án Chuẩn bị sẵn sàng xây dựng thị trường các bon tại Việt Nam, thuộc Chương trình Quan hệ đối tác xây dựng thị trường các-bon (Partnership for Market Readiness-PMR), WB **viện trợ không hoàn lại 3 triệu USD** để giúp tăng cường năng lực, nghiên cứu chính sách, và trao đổi kinh nghiệm với các quốc gia khác về định giá carbon theo cơ chế thị trường⁷. Ngày 30/6 vừa qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt văn kiện dự án “Triển khai thực hiện thị trường carbon tại Việt Nam” do Cục Biến đổi khí hậu là chủ dự án và được sự tài trợ của Ngân hàng Thế giới với **tổng mức đầu tư 5 triệu USD** (đổi ứng 71.851 USD do Bộ Tài nguyên và Môi trường bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm), thời gian thực hiện từ năm 2024 đến năm 2028. Dự án hướng đến mục tiêu hỗ trợ

⁷<https://www.worldbank.org/vi/news/feature/2021/11/11/carbon-pricing-aids-vietnam-s-efforts-towards-decarbonization>

Việt Nam phát triển thị trường carbon, thiết kế và triển khai trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon và hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính⁸.

Cơ hội và thách thức phát triển thị trường tín chỉ carbon

Cơ hội	Thách thức
Chính phủ đã tích cực xây dựng cơ sở pháp lý cho việc phát triển thị trường tín chỉ carbon. Cùng với những kinh nghiệm đã tích lũy từ việc tham gia thị trường tín chỉ carbon quốc tế thông qua cơ chế CDM, JCM... và nhận được nhiều hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các tổ chức quốc tế để xây dựng ETS. Chính nền tảng này sẽ tạo động lực cho các cơ sở cắt giảm phát thải, đạt được các mục tiêu giảm phát thải. Các doanh nghiệp sẽ tăng khả năng tương thích với cơ chế quốc tế hiện hành và ngày càng nghiêm ngặt như CBAM. Việc thay đổi công nghệ theo hướng giảm phát thải khí nhà kính, tạo ra quyền phát thải sẽ giúp doanh nghiệp thu hút nguồn tài chính dễ dàng với chi phí rẻ. Doanh nghiệp có thể nâng tầm giá trị trên thị trường thế giới; xác định chiến lược chuyển dịch hợp lý, từ đó tăng lợi thế cạnh tranh và tạo cơ hội thu về nguồn doanh thu bổ sung. Đối với Chính phủ, sẽ tăng nguồn thu cho quốc gia và có thể sử dụng nguồn thu này để tiếp tục hỗ trợ các hoạt động giảm phát thải.	Các doanh nghiệp cần phân biệt rằng thị trường tín chỉ carbon hiện nay mà Chính phủ muốn xây dựng mang yếu tố bắt buộc. Điều này nghĩa là, các doanh nghiệp sẽ bị kiểm soát việc phát thải khí nhà kính và có thể dẫn đến phát sinh chi phí thiết lập hệ thống, yêu cầu nguồn lực tài chính sẽ tăng cao. Hệ thống giám sát, thẩm định môi trường (MRV) chưa sẵn sàng (đang trong quá trình xây dựng bởi các bộ có liên quan), trong khi đó có rất nhiều tiêu chuẩn trong thị trường tín chỉ carbon; do đó có thể dẫn đến sự thiếu minh bạch và khả năng so sánh tác động của các tín chỉ carbon đến môi trường- xã hội không chính xác, cũng như là sự ảnh hưởng đến chất lượng và độ tin cậy của các tín chỉ carbon. Thách thức trong thời gian tới, yêu cầu nâng cao năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường về kỹ thuật kiểm kê phát thải, hệ thống MRV ở cấp quốc gia/ngành/tiểu ngành/cơ sở sản xuất

4 Giải pháp và kiến nghị đối với cơ quan nhà nước

4.1 Giải pháp về phát triển thị trường trái phiếu xanh

Hoàn thiện chính sách, đơn giản hóa thủ tục, khuyến khích các đơn vị trong nước tham gia vào quá trình thẩm định, chứng nhận khung trái phiếu xanh và dán nhãn trái phiếu xanh theo tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng các tiêu chuẩn trái phiếu xanh của Việt Nam tương đương hoặc tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế như CBI, ICMA, ASEAN.

⁸<https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-se-van-hanh-san-giao-dich-tin-chi-carbon-vao-nam-2028/875178.vnp>

Xây dựng bộ tài liệu chuẩn hóa (bao gồm công bố thông tin trước khi phát hành, công bố thông tin định kỳ, báo cáo...) nhằm hướng dẫn việc phát hành trái phiếu xanh tại Việt Nam, làm nền tảng để tất cả các đơn vị tham gia đạt được sự đồng thuận trong thực hiện

Ban hành chính sách khuyến khích phát hành trái phiếu xanh. Ngoài ra, cần khuyến khích đơn giản hóa các thủ tục phát hành như công bố thông tin và báo cáo để thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan vào trái phiếu xanh

Ban hành hướng dẫn đánh giá thuộc tính xanh của các dự án, hạng mục dự án một cách thường xuyên. Hơn nữa, cần bổ sung thêm hướng dẫn về cách xử lý các trường hợp dự án hoặc hạng mục dự án không duy trì được thuộc tính xanh sau mỗi lần thực hiện chu trình đánh giá, bao gồm các phương pháp khắc phục, công bố hành vi không tuân thủ và đánh giá lại sau khi hoàn thành các hành động khắc phục.

Ban hành chính sách khuyến khích các đơn vị trong nước tham gia vào quá trình thẩm định, chứng nhận khung trái phiếu xanh và dán nhãn trái phiếu xanh theo tiêu chuẩn quốc tế. Các cơ quan liên quan cần chủ động xây dựng các dự án, chương trình cụ thể nhằm tiếp cận nguồn tài chính xanh từ các tổ chức quốc tế như WB, ADB, IFC...

4.2 Giải pháp về phát triển thị trường chứng khoán xanh

Các chính sách liên quan đến thị trường vốn xanh cần được ban hành cụ thể song song với các chính sách về tăng trưởng xanh. Theo đó, cần sớm hoàn thiện khung chính sách tài chính để phát triển thị trường vốn xanh và các sản phẩm tài chính xanh, bao gồm các quy định, điều kiện khi niêm yết cổ phiếu xanh, báo cáo bền vững, giám sát doanh nghiệp theo tiêu chí tài chính xanh...

Nâng cao nhận thức về thị trường vốn xanh và thúc đẩy các hành động cụ thể thông qua việc phổ biến thông tin nhằm nâng cao nhận thức thực hiện các hoạt động ESG. Trong giai đoạn đầu, cơ quan quản lý cần hướng dẫn, đưa ra các giải pháp hỗ trợ để khuyến khích một số doanh nghiệp tiên phong thí điểm, từ đó giới thiệu các mô hình thành công để nhân rộng. Đồng thời, tuyên truyền rộng rãi để khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào nền kinh tế xanh, chuỗi tăng trưởng xanh và lựa chọn các sản phẩm có chất lượng ESG nâng cao.

Ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp áp dụng chiến lược phát triển ESG. Theo đó, cần có những chính sách khuyến khích phát triển ESG cho doanh nghiệp như miễn, giảm thuế, phí cho các dự án hoặc doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí ESG.

Công khai thông tin đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến trách nhiệm xã hội và tạo ra chỉ số ESG toàn diện cho toàn thị trường. Nâng cao chất lượng thông tin và dữ liệu bằng cách thúc đẩy tính minh bạch và hiện đại hóa Luật Kế toán, kêu gọi các công ty công bố thông tin về các sáng kiến xanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đánh giá. Ngoài ra, thúc đẩy sự tham gia với các tổ chức như Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) nâng cao số lượng và chất lượng thông tin về phát triển bền vững

4.3 Giải pháp về phát triển thị trường carbon

Dựa trên Đề án phát triển thị trường carbon theo báo cáo của Bộ TNMT, một số sản phẩm kinh doanh trên Sàn giao dịch Carbon Việt Nam có thể được xem xét bao gồm: (i)

Tín chỉ carbon CER quốc tế, (ii) Tín chỉ carbon trong nước tuân thủ tiêu chuẩn Việt Nam; và (iii) Tín chỉ carbon quốc tế tự nguyện.

Trong tương lai, có thể xem xét thêm hai loại sản phẩm: (i) hạn ngạch carbon (để đáp ứng nhu cầu bù đắp của các tổ chức trong nước) và (ii) hợp đồng tương lai tín dụng carbon tự nguyện (để tăng cường sự tham gia của các ngân hàng thương mại và cải thiện tính thanh khoản và minh bạch về giá bằng cách cho phép giao dịch hợp đồng tương lai về tín dụng carbon và hạn ngạch trên các sàn giao dịch hàng hóa quốc tế như ICE và CME)

Về phía thành viên thị trường, các tổ chức trung gian (như ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán) cần được cơ quan quản lý (NHNN, Bộ tài chính...) cấp phép để tham gia giao dịch tín chỉ carbon và giao dịch hợp đồng tương lai trên thị trường tín chỉ carbon trong nước và quốc tế

Đối với các bên tham gia thương mại, cần quy định rõ điều kiện tham gia mua bán tín chỉ carbon. Ví dụ, người bán tín dụng carbon phải có hạn ngạch phát thải và tín dụng carbon, còn người mua tín dụng carbon phải chứng minh nhu cầu bù đắp lượng khí thải

Các đơn vị bù trừ (ngân hàng thương mại) tham gia bù trừ với sàn giao dịch tín dụng carbon tập trung cần được cấp phép thực hiện chức năng thanh toán trong nước và quốc tế

Cần chỉ định và cấp phép cho một đơn vị lưu ký tín chỉ carbon, tương tự như Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) thực hiện chức năng lưu ký chứng khoán.

4.4 Giải pháp về phát triển tín dụng xanh

Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, đặc biệt là các quy định cụ thể về định nghĩa, tiêu chuẩn ngành công nghiệp xanh đủ điều kiện vay vốn ngân hàng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, cùng với các văn bản hướng dẫn xác nhận dự án đáp ứng tiêu chí xanh và những người tiếp cận tín dụng xanh.

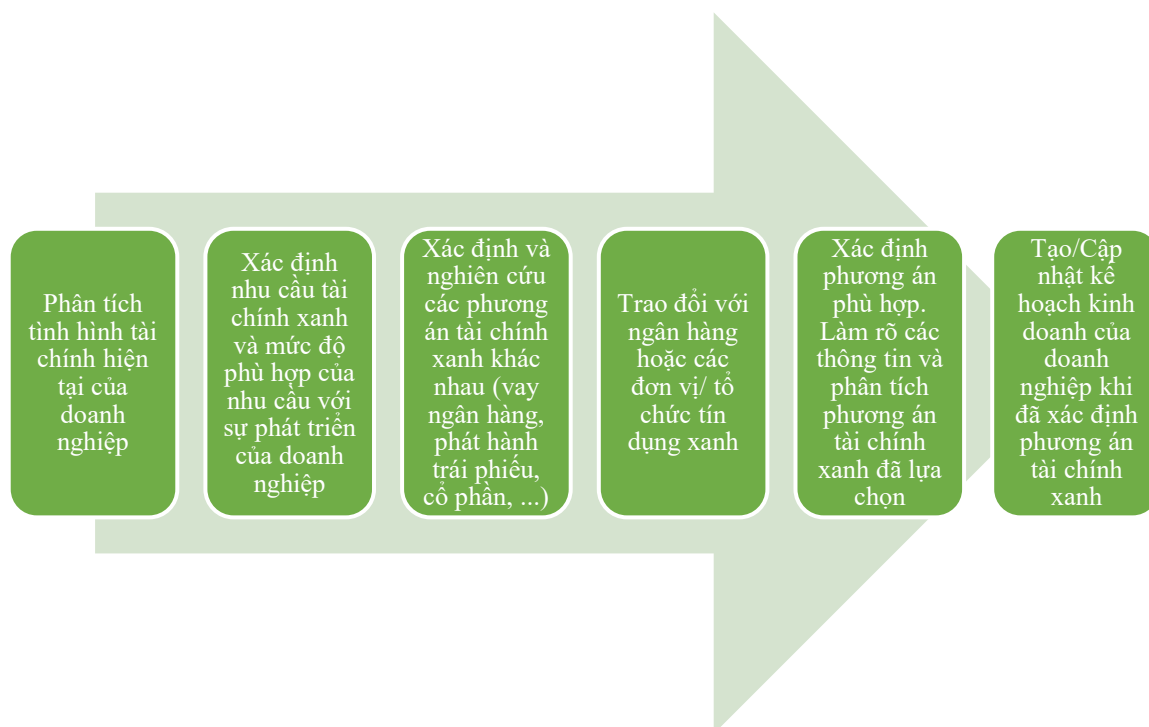
NHNN nên phối hợp với Bộ TNMT ban hành hướng dẫn thực hiện tín dụng xanh theo Luật Bảo vệ môi trường 2020, quy định về tiêu chí và chứng nhận môi trường đối với các dự án cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh

Đưa ra các chính sách, ưu đãi hỗ trợ để khuyến khích các ngân hàng, doanh nghiệp đẩy mạnh tín dụng xanh như hỗ trợ lãi suất, thuế; cắt giảm, giới hạn tăng trưởng tín dụng cao hơn, v.v., thành lập Quỹ Tài chính Xanh để quản lý hiệu quả và bền vững việc huy động và phân bổ các nguồn lực tài chính.

Tăng cường truyền thông bằng cách tổ chức các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn của các tổ chức tài chính về tài chính xanh (đặc biệt là đánh giá rủi ro môi trường và xã hội cũng như sử dụng các công cụ quản lý rủi ro môi trường và xã hội), kết nối với các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp khác để tổ chức các hội thảo, diễn đàn, chương trình đào tạo nhằm trao đổi kinh nghiệm trong phát triển và điều tiết tài chính xanh

5 Một số lưu ý đối với doanh nghiệp

5.1 Xác định nhu cầu tiếp cận tài chính xanh



Nguồn: Green Finance Skills: The Guide – ACCA

5.2 Phát triển các kỹ năng tài chính xanh

Các doanh nghiệp lớn thường có kỹ năng ESG, tài chính xanh tốt hơn rất nhiều so với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần đầu tư thời gian và công sức để phát triển các kế hoạch chuyển đổi của mình. Viện Tài chính Ngân hàng Singapore (IBF) và Ngân hàng trung ương Singapore (MAS) gợi ý 12 kỹ năng về tài chính xanh, tài chính bền vững mà các doanh nghiệp cần nắm.



Nguồn: Green Finance Skills: The Guide – ACCA

5.3 Các nguồn tài chính xanh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam

	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (VEPF)	Chương trình Hiệu quả Năng lượng cho Doanh nghiệp Công nghiệp Việt Nam (VEEIE)
Phạm vi	Toàn quốc	Toàn quốc	Toàn quốc
Sự tiếp kiến	Các dự án được liệt kê trong Nghị định số. 75/2011/NĐ-CP; các dự án tập trung vào tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình có công trình bảo vệ môi trường	Doanh nghiệp sử dụng năng lượng hiệu quả đáp ứng các tiêu chí của dự án
Khu vực	Thiết bị và công nghệ (không gồm vốn lưu động)	Công nghệ xử lý ô nhiễm, sản xuất sạch hơn	Công nghệ tiết kiệm năng lượng
Yêu cầu tài chính đối với người vay	Tối đa 70% tổng vốn đầu tư	Vốn đối ứng tối thiểu 30%	Tối đa 80% tổng vốn đầu tư
Tiêu chí lựa chọn	Dự án quy mô vừa đến lớn trong đầu tư phát triển và xuất khẩu	Tính cấp thiết và hiệu quả trong việc bảo vệ môi trường • Kích thước và đặc điểm • Kinh tế và khả năng trả nợ • Khả năng nhân rộng và tính bền vững • Có thể áp dụng cho các công nghệ thích hợp • Đóng góp trực tiếp vào các chính sách của chính phủ về bảo vệ môi trường	• Các tiêu dự án tiết kiệm năng lượng đáp ứng các yêu cầu của VEEIE và các tiêu chí kinh tế kỹ thuật • Giải ngân sau ngày 15 tháng 7 năm 2016 • Đáp ứng các chính sách xã hội và môi trường của Ngân hàng Thế giới và các quy định quốc gia
Cơ chế tài trợ	Khoản vay lãi suất thấp dựa trên lãi suất bình quân và chi phí quản lý của VDB: 11%, cố định trong suốt thời gian vay	Khoản vay lãi suất thấp (2,6% từ năm 2018) Hỗ trợ lãi suất: 2,6% / năm Cấp: tối đa 50%	Lãi suất theo thỏa thuận giữa ngân hàng và doanh nghiệp
Thời gian cấp vốn	Tối đa 12 năm đối với tín dụng đầu tư với thời gian ân hạn 3 năm	7 năm	Tối đa 10 năm, thời gian ân hạn = thời gian xây dựng và lắp đặt
Thông tin liên lạc	25A Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 3736 5659 Fax: (84-24) 3736 5672 https://wqw.vdb.gov.vn/ Email: congthongtin@vdb.gov.vn	Tầng 6, Tòa nhà Nhà xuất bản Tòa nhà Bàn Đò, 85 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37951221 Fax: (84-24) 39426329 https://vepf.vn Email: qbvmtvn@monre.gov.vn	309, nhà B, Bộ Thương mại, 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (84-24) 22202356 https://veeie.vn Email: vneciemoit@gmail.com

Nguồn: Sổ tay Tài chính xanh của Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)

Một số chương trình ưu đãi cho vay tín dụng xanh tại các NHTM

Ngân hàng	Mục đích vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay
BIDV và Agribank	Năng lượng sạch/nông nghiệp xanh và các dự án giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải	Trung dài hạn: 8,7%/năm trong 03 năm đầu. Từ năm thứ 4: Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + biên độ 4%	Tối thiểu 02 năm
Vietinbank	Đối với các dự án tiết kiệm và hiệu quả năng lượng thuộc chương trình tín dụng môi trường EIB, chương trình tín dụng GCPF, dự án năng lượng tái tạo REDP	Trung dài hạn: 8,1%/năm	Tối thiểu 02 năm
Sacombank	Đối với chiến lược phát triển, quy trình sản xuất hoặc mục đích sử dụng vốn vay không rủi ro với môi trường, góp phần hệ sinh thái chung	Trung dài hạn: 8,5%/ trong 01 năm đầu Từ các năm sau: 9,5%/năm	Tối đa 08 năm
Nam Á bank	Các nhu cầu đầu tư, kinh doanh, tiêu dùng thân thiện với môi trường, dự án thúc đẩy giảm khí thải CO2 và dự án tiết kiệm 20% năng lượng	Ngắn hạn: 7%/năm Trung, dài hạn: 8,8%/năm trong 01 năm đầu. Gói ưu đãi: 7,7%/năm	Tối đa 02 năm
MBBank	Ngành năng lượng tái tạo và xây dựng các sản phẩm xanh vào danh mục các sản phẩm cho vay hiện có như: Cho vay các dự án sử dụng tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời; cho vay các dự án về xử lý rác thải, chất thải, khí thải	Trung dài hạn: áp dụng biên độ 2,8% (thông thường biên độ 3% năm)	Tối đa 15 năm
HDBank	Dự án năng lượng tái tạo và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án điện mặt trời thương mại và điện mặt trời áp mái	Phê duyệt theo từng trường hợp cụ thể	Tối đa 10 năm
SHB	Dự án cho về năng lượng tái tạo, năng lượng sạch	Ưu đãi như lãi suất từ 1%-1,5% so với lãi suất thông thường	Tối đa 10-15 năm

Nguồn: Nguyễn Thị Ánh Ngọc (2023) *Tín dụng xanh Tại Việt Nam: thực trạng và một số khuyến nghị*

5.4 Hướng dẫn lập hồ sơ tiếp cận vốn vay cho dự án đầu tư sản xuất bền vững tại Việt Nam



Nguồn: Sổ tay Tài chính xanh của Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)

5.5 Mối quan hệ của các tổ chức trong việc hình thành thị trường trái phiếu/cổ phiếu và tóm tắt hướng dẫn phát hành trái phiếu xanh cho doanh nghiệp

Mối liên kết của các tổ chức Việt Nam trong việc hình thành thị trường trái phiếu



¹ Tổ chức tài chính phát triển.

² Bao gồm các nhà đầu tư tổ chức, quỹ ESG, quỹ tu nhân, cá nhân có giá trị tài sản ròng lớn, cơ quan phát triển.

Nguồn: Phân tích của McKinsey

Nguồn: McKinsey & Company (2022), Các ngân hàng Việt Nam có thể nắm bắt được cơ hội từ trái phiếu xanh không?

Tóm tắt cách phát hành trái phiếu xanh/trái phiếu xã hội/trái phiếu bền vững

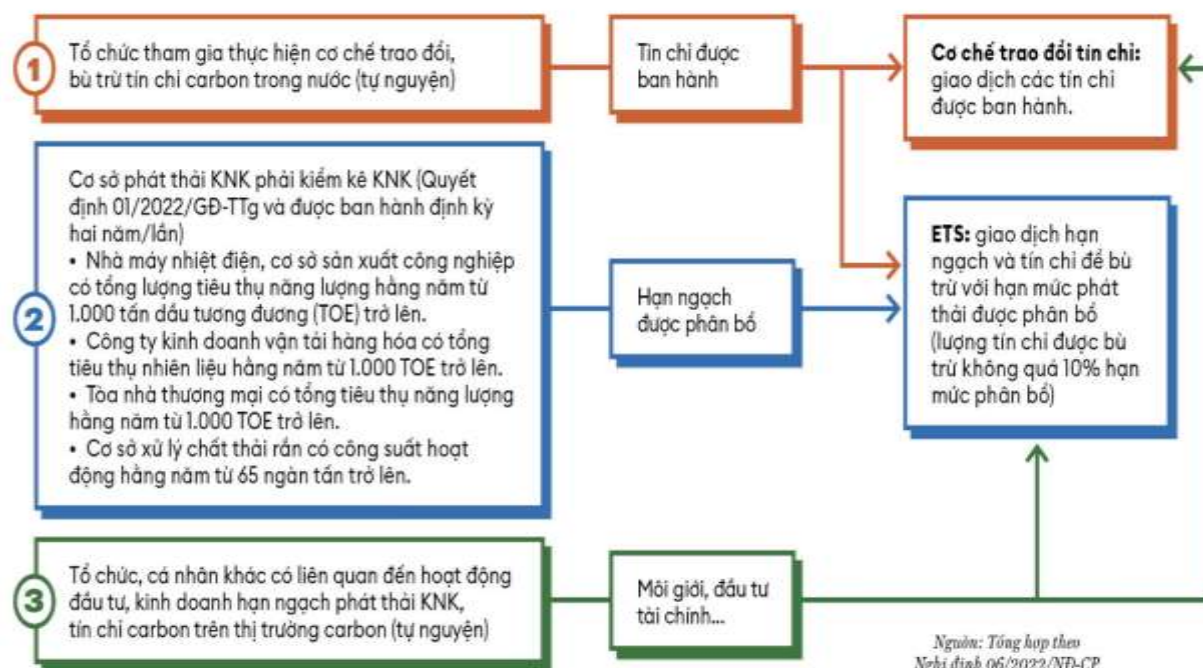


Nguồn: Sổ tay “Hướng dẫn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững” - UBCKNN

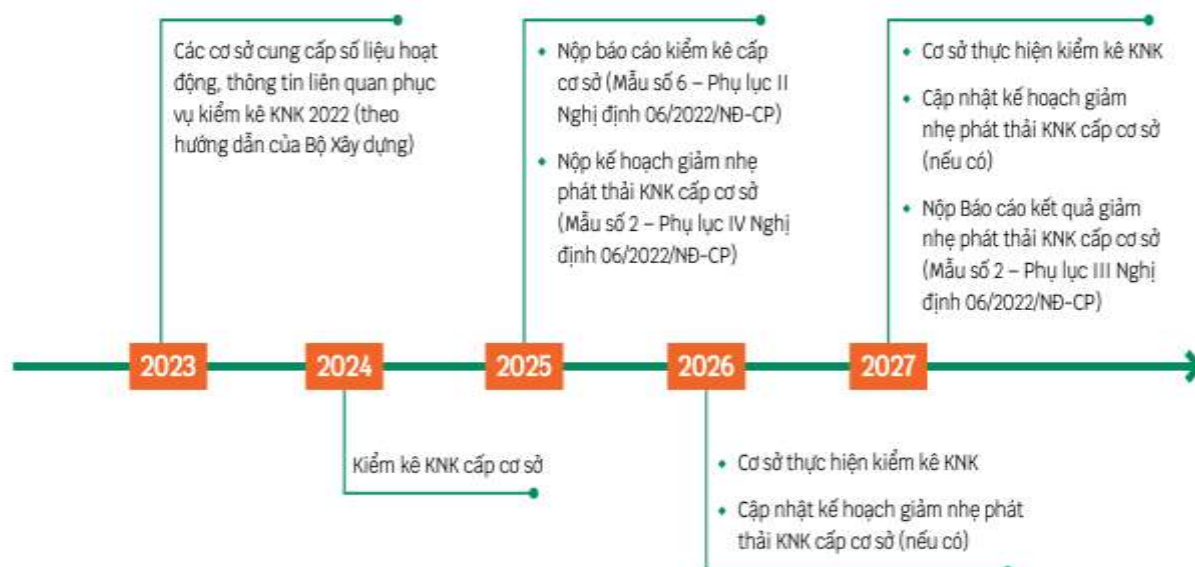
5.6 Nhóm đối tượng tham gia thị trường carbon tại Việt Nam và lưu ý cho doanh nghiệp về lộ trình thực hiện chế độ báo cáo

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA THỊ TRƯỜNG CARBON TẠI VIỆT NAM

Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định ba nhóm đối tượng tham gia thị trường carbon trong nước.



Nghĩa vụ thực hiện kiểm kê khí nhà kính (KNK) và giảm nhẹ phát thải KNK của doanh nghiệp khi tham gia vào thị trường carbon trong nước



Nguồn: Bản tin chính sách 33-2023, Trung tâm Con người và Thiên Nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) *Bản tin chính sách 33-2023, Trung tâm Con người và Thiên Nhiên.*
- 2) *Đào Hoàng Tuấn (2021). Giải pháp huy động nguồn vốn tư nhân vào thị trường tài chính xanh nhằm phục vụ các hoạt động bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững tại Việt Nam*
- 3) *EU ETS Handbook*
- 4) *GGGI (2022). Khảo sát thị trường trái phiếu xanh cho việc nam những cái nhìn về quan điểm của các nhà đầu tư tổ chức và nhà bảo lãnh*
- 5) *Green finance skills: the guide – ACCA*
- 6) *Hà My (2023) Đảm bảo khung khổ pháp lý để tăng tỷ trọng tín dụng xanh*
- 7) *McKinsey & Company (2022). Các ngân hàng Việt Nam có thể nắm bắt được cơ hội từ trái phiếu xanh không?*
- 8) *Nguyễn Thế Bình (2022). Phát triển tài chính xanh tại Việt Nam*
- 9) *Nguyễn Thị Ánh Ngọc (2023). Tín dụng xanh Tại Việt Nam: thực trạng và một số khuyến nghị*
- 10) *PGS.TS. Nguyễn Bá Minh, ThS. Lê Vũ Thanh Tâm, Nguyễn Đình Đức (2022) Phát triển hệ thống tài chính xanh: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam*
- 11) *PwC (2022). Báo cáo Mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam năm 2022*
- 12) *Schäfer, Henry. (2017). Green Finance and the German Banking System và bản dịch của Trần Thị Thanh Tú, Nguyễn Thị Hồng Minh. (2021). Kinh nghiệm phát triển tài chính xanh ở Đức và bài học cho Việt Nam.*
- 13) *Sổ tay “Hướng dẫn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững” – UBCKNN*
- 14) *Sổ tay Tài chính xanh của Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)*
- 15) *Trần Đăng Khâm (2022). Phát triển thị trường vốn xanh tại Việt Nam*
- 16) *Trịnh Nam Phong . “Thị trường carbon hình thành trên thế giới như thế nào?”*

